ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA HÀ NỘI

(Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100100858 do sở Kế hoạch Đầu tư Tp. Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 31/10/2008, thay đổi lần thứ hai ngày 04/06/2018)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG VÀ PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ TĂNG VỐN CỔ PHẦN TỪ NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 55.../GCN-UBCK do Chủ tịch Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 16 tháng 10 năm 2018

TỔ CHỨC TƯ VẤN PHÁT HÀNH:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN IB

Trụ sở chính: Tầng 8, Số 52 Phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

Điện thoại: 024.4456 8888 Fax: 024.3978 5380

Website: https://ibsc.vn

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH:

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA HÀ NỘI

Trụ sở chính: Tổ 12, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024. 3875 6889 Fax: 024. 3875 6884

Website: www.hanoiplastics.com.vn

Phụ trách công bố thông tin:

Ông: Bùi Thành Nam Chức vụ: Tổng Giám đốc

Điện thoại: 024.38756706 Fax: 024.38756884

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA HÀ NỘI

(Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100100858 do sở Kế hoạch Đầu tư Tp. Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 31/10/2008, thay đổi lần thứ hai ngày 04/06/2018)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG VÀ PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ TĂNG VỐN CỔ PHẦN TỪ NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội
- Mã chứng khoán: NHH (sàn UPCOM)
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Giá chào bán: 30.000 đồng/cổ phiếu
- Tổng số lượng phát hành: 10.300.000 cổ phiếu
- Tổng giá trị phát hành: 103.000.000.000 đồng (theo mệnh giá)
- Đối tượng phát hành:
  - Phát hành 6.500.000 cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ thực hiện quyền 1:1
  - Chào bán 3.800.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 65:38

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN IB

Trụ sở chính: Tầng 8, Số 52 Phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội.

Điện thoại: 024.4456 8888 Fax: 024.3978 5380

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

CÔNG TY TNHH HÃNG KIỂM TOÁN AASC

Trụ sở chính: Số 01 Lê Phụng Hiểu, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84.24) 3824 1990 Fax: (84.24) 3825 3973

MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO 5

1. Rủi ro về kinh tế 5

2. Rủi ro về luật pháp 7

3. Rủi ro đặc thù 8

4. Rủi ro của đợt chào bán, của dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán 10

5. Rủi ro pha loãng 11

6. Rủi ro về quản trị công ty và cơ chế quản lý phát sinh từ việc tăng vốn 12

7. Rủi ro khác 13

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH 13

1. Tổ chức phát hành 13

2. Tổ chức tư vấn 14

III. CÁC KHÁI NIỆM 15

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH 16

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển 16

2. Cơ cấu tổ chức của Công ty 18

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty 18

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông của Công ty. 23

5. Danh sách những Công ty mẹ và Công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành 24

6. Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Công ty 24

7. Hoạt động kinh doanh 25

8. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất 32

9. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành 34

10. Chính sách đối với người lao động 35

11. Chính sách cổ tức 37

12. Tình hình tài chính 37

13. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng 42

14. Tài sản 57
15. Tình hình quản lý và sử dụng đất tại Công ty 58
16. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo 59
17. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức 63
18. Thời hạn dự kiến đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường có tổ chức 63
19. Thông tin về những cam kết chưa thực hiện của tổ chức phát hành 63
20. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu chào bán 63
V. CỔ PHIẾU PHÁT HÀNH 63
1. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông 63
2. Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu 63
3. Tổng số cổ phiếu dự kiến phát hành: 63
4. Giá chào bán dự kiến: 64
5. Phương pháp tính giá: 64
6. Phương thức phân phối 64
7. Thời gian phân phối cổ phiếu 65
8. Đăng ký mua cổ phiếu 66
9. Phương thức thực hiện quyền 67
10. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài 67
11. Các hạn chế có liên quan đến chuyển nhượng 67
12. Các loại thuế có liên quan 68
13. Ngân hàng mở tài khoản phong toả nhận tiền mua cổ phiếu 68
VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN 69
1. Mục đích chào bán: 69
VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN 69
1. Tổng nguồn vốn dự kiến thu được từ đợt phát hành và chào bán cổ phiếu 69
2. Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán 69
3. Phương án xử lý trong trường hợp đợt chào bán không thu đủ số tiền như dự kiến: 71
VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN 72
1. Tổ chức kiểm toán 72
2. Tổ chức tư vấn 72
IX. PHỤ LỤC 73

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Các nhân tố có thể ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp tới kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và/hoặc giá cả chứng khoán của Công ty.

1. Rủi ro về kinh tế

Sự phát triển của nền kinh tế sẽ tác động đến mọi lĩnh vực, ngành nghề và đối tượng trong nền kinh tế, trong đó có Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội (NHH). Các chỉ số kinh tế vĩ mô chính thường được sử dụng để đánh giá sự phát triển của nền kinh tế một quốc gia bao gồm: tốc độ tăng trưởng GDP, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái,...

1.1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế là một trong những nguyên nhân quan trọng ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành, lĩnh vực trong xã hội. Tăng trưởng kinh tế sẽ làm tăng nhu cầu chi tiêu trong xã hội, thúc đẩy gia tăng sản lượng công nghiệp, tăng đầu tư của cá nhân và pháp nhân trong nền kinh tế.

Biểu 1: Tỷ lệ tăng trưởng GDP qua các năm

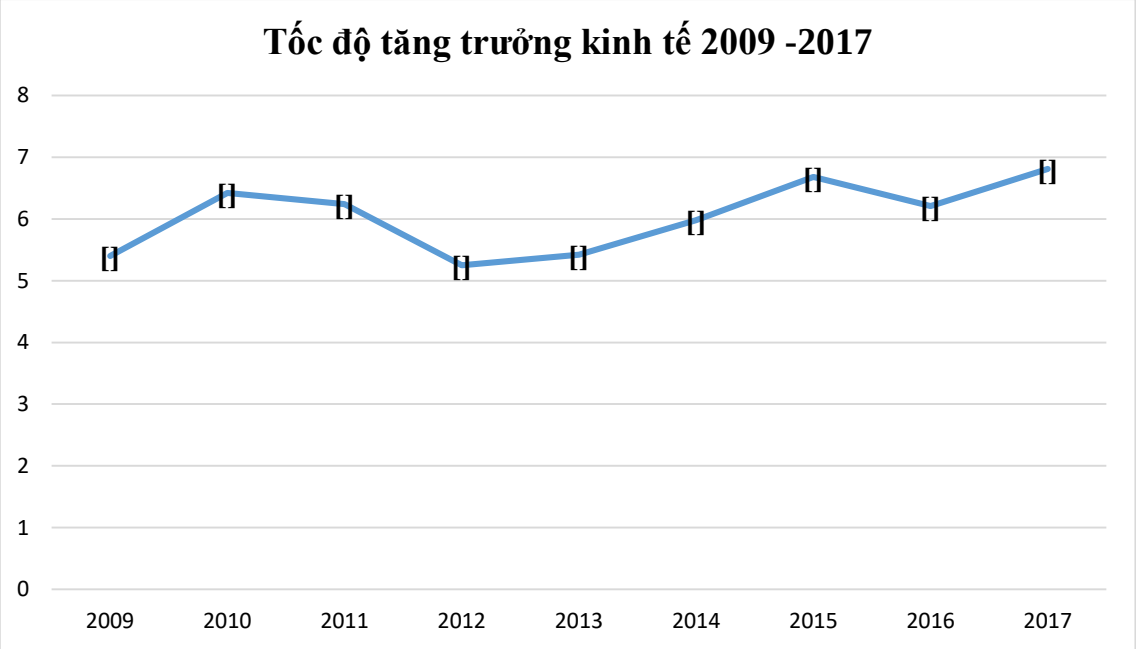

Nguồn: Tổng cục Thống kê

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2017 ước tính tăng 6,81% so với năm 2016, trong đó quý I tăng 5,15%; quý II tăng 6,28%; quý III tăng 7,46%; quý IV tăng 7,65%. Mức tăng trưởng năm nay vượt mục tiêu đề ra 6,7% và cao hơn mức tăng của các năm từ 2011-2016, khẳng định tính kịp thời và hiệu quả của các giải pháp được Chính phủ ban hành, chỉ đạo quyết liệt các cấp, các ngành, các địa phương cùng nỗ lực thực hiện. Trong mức tăng 6,81% của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản đã có sự phục hồi đáng kể với mức tăng 2,90% (cao hơn mức tăng 1,36% của năm 2016), đóng góp 0,44 điểm phần trăm vào mức tăng chung; khu vực công

nghiệp và xây dựng tăng 8,00%, đóng góp 2,77 điểm phần trăm; khu vực dịch vụ tăng 7,44%, đóng góp 2,87 điểm phần trăm.

Quy mô nền kinh tế năm 2017 theo giá hiện hành đạt 5.007,9 nghìn tỷ đồng, GDP bình quân đầu người ước tính đạt 53,5 triệu đồng, tương đương 2.385 USD, tăng 170 USD so với năm 2016. Về cơ cấu nền kinh tế năm nay, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 15,34%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 33,34%; khu vực dịch vụ chiếm 41,32%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 10,00% (Cơ cấu tương ứng của năm 2016 là: 16,32%; 32,72%; 40,92%; 10,04%).

Xét về góc độ sử dụng GDP năm 2017, tiêu dùng cuối cùng tăng 7,35% so với năm 2016, đóng góp 5,52 điểm phần trăm (trong đó tiêu dùng cuối cùng của hộ dân cư đóng góp 5,04 điểm phần trăm); tích lũy tài sản tăng 9,8%, đóng góp 3,30 điểm phần trăm; chênh lệch xuất, nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ ở tình trạng nhập siêu làm giảm 2,01 điểm phần trăm của mức tăng trưởng chung.

1.2. Lạm phát

Các rủi ro trong tài chính doanh nghiệp thường gắn liền với biến động của lạm phát trong nền kinh tế. Theo những số liệu được công bố, trong những năm gần đây Việt Nam đã dần kìm hãm được đà tăng của lạm phát. Tỷ lệ lạm phát giai đoạn 2010 – 2017 cụ thể như sau:

Biểu 2: Tỷ lệ lạm phát của Việt Nam qua các năm

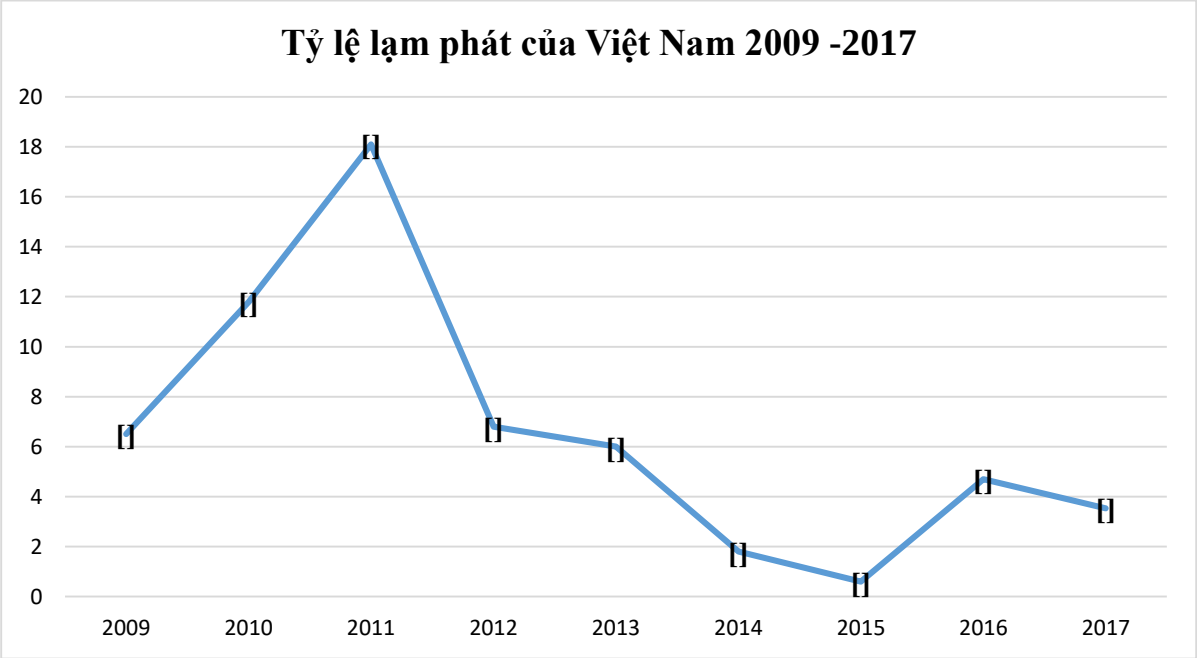

Nguồn: Tổng cục Thống kê

CPI bình quân năm 2017 tăng 3,53% so với bình quân năm 2016, dưới mục tiêu Quốc hội đề ra. CPI tháng 12/2017 tăng 2,6% so với tháng 12/2016, bình quân mỗi tháng tăng 0,21%. Lạm phát cơ bản tháng 12/2017 tăng 0,11% so với tháng trước và tăng 1,29% so với cùng kỳ năm trước. Lạm phát cơ bản bình quân năm 2017 tăng 1,41% so với bình quân năm 2016.

Trên thực tế, lạm phát là một yếu tố có ảnh hưởng khá lớn đến giá nguyên liệu đầu vào của NHH. Giá nguyên liệu đầu vào tăng làm tăng giá vốn hàng bán, trong khi giá bán sản phẩm chưa tăng tương ứng có thể gây ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của NHH.

1.3. Lãi suất

Hiện nay, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) tiếp tục điều hành chính sách lãi suất theo hướng giảm dần, phù hợp với diễn biến kinh tế vĩ mô, tiền tệ và đặc biệt là lạm phát để giảm mặt bằng lãi suất cho vay, góp phần tháo gỡ khó khăn cho nền kinh tế nói chung và các doanh nghiệp nói riêng. Từ đầu năm 2012 đến nay, mặt bằng lãi suất huy động đã giảm mạnh, từ đó các doanh nghiệp trong nước có thể tiếp cận được vốn vay với chi phí lãi vay rẻ hơn. Tại Việt Nam hiện nay có đến 90% công ty nhựa là các công ty vừa, nhỏ và công ty tư nhân, trên thực tế các công ty này chủ yếu sử dụng công cụ nợ để huy động vốn mở rộng sản xuất hoặc nhập khẩu nguyên liệu. Vì vậy khi lãi suất có sự thay đổi thì sẽ ảnh hưởng đến sự phát triển của ngành.

Trong năm 2017, mặt bằng lãi suất huy động và cho vay tương đối ổn định. Lãi suất huy động bằng đồng Việt Nam phổ biến ở mức 0,8% - 1%/năm đối với tiền gửi không kỳ hạn và kỳ hạn dưới 1 tháng; 4,3%-5,4%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng; 5,3%-6,5%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng đến dưới 12 tháng; kỳ hạn trên 12 tháng ở mức 6,5%-7,3%/năm. Mặt bằng lãi suất cho vay phổ biến của các lĩnh vực ưu tiên ở mức 6%-6,5%/năm đối với ngắn hạn, 9%-10%/năm đối với trung và dài hạn. Lãi suất cho vay các lĩnh vực sản xuất kinh doanh thông thường ở mức 6,8-9%/năm đối với ngắn hạn; 9,3%-11%/năm đối với trung và dài hạn.

1.4. Tỷ giá

Rủi ro về tỷ giá là thách thức đối với các doanh nghiệp nhập khẩu nguyên liệu, máy móc đầu vào cho phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, nhất là trong thời điểm tỷ giá ngoại tệ biến động theo chiều hướng gia tăng. Khi tỷ giá thay đổi, đặc biệt theo xu hướng tăng thì chi phí đầu vào của công ty sẽ tăng theo, trong khi sản phẩm lại không thể điều chỉnh tăng tương ứng ngay lập tức, điều này làm tăng chi phí và giảm lợi nhuận của Công ty. Trên thực tế, khi tỷ giá tăng sẽ có tác động tích cực đến xuất khẩu nhựa, tuy nhiên giá trị xuất khẩu sản phẩm nhựa của Việt Nam thấp hơn nhiều so với giá trị nhập khẩu nguyên liệu nhựa nên nhìn chung sẽ tác động tiêu cực đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của cả ngành.

2. Rủi ro về luật pháp

Sự ổn định của hệ thống chính trị, luật pháp, chính sách của một quốc gia có ảnh hưởng rất nhiều đến sự ổn định và khả năng phát triển của các ngành kinh tế nói chung. Ngành nhựa Việt nam cũng không nằm ngoài sự tác động đó. Trong quyết định số 55/2007/QĐ-TTg phê duyệt Danh mục 10 ngành công nghiệp ưu tiên, mũi nhọn giai đoạn 2007-2010, tầm nhìn đến năm 2020, ngành nhựa cũng nằm trong danh sách các ngành công nghiệp được ưu tiên phát triển. Trong quyết định số 2992/QĐ-BTC ngày 17/06/2011 về Quy hoạch tổng thể phát triển ngành nhựa Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến 2035, chính phủ đặt ra kế hoạch đầu tư chi tiết, ưu

tiên phát triển ngành nhựa thành ngành kinh tế mạnh. Điều này cho thấy ngành nhựa sẽ được tạo điều kiện thuận lợi để đẩy mạnh hoạt động sản xuất cũng như xuất khẩu.

Là doanh nghiệp hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần và đăng ký giao dịch trên Upcom, hoạt động của Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội chịu sự điều chỉnh bởi hệ thống các văn bản pháp luật bao gồm: Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các văn bản pháp luật và các thông tư hướng dẫn liên quan.

Việt Nam đang trong quá trình phát triển và hội nhập với kinh tế thế giới. Tuy nhiên, khung pháp lý luật pháp vẫn chưa được đổi mới tương xứng với tốc độ phát triển kinh tế và vẫn đang trong quá trình nỗ lực xây dựng và hoàn thiện. Do vậy, mọi thay đổi và diễn giải, hướng dẫn pháp luật hiện hành có thể dẫn đến những hậu quả không mong đợi và gây ra những ảnh hưởng bất lợi tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Để hạn chế rủi ro này, Công ty luôn chú trọng nghiên cứu, nắm bắt các quy định mới của pháp luật, theo sát đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước. Từ đó xây dựng chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh đúng pháp luật và phù hợp với từng thời kỳ.

3. Rủi ro đặc thù

3.1. Rủi ro về biến động giá nhiên liệu đầu vào

Đặc thù của ngành nhựa Việt Nam là phải nhập khẩu 80 - 90% nguyên liệu đầu vào phục vụ cho quá trình sản xuất tạo ra sản phẩm. Trong khi đó, giá nhập khẩu các loại nguyên liệu nhựa lại có sự biến động theo nhiều yếu tố như sự biến động của giá dầu, giá khí thiên nhiên và giá than đá trên thế giới, vì vậy khi có sự thay đổi của một trong những yếu tố trên sẽ ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các công ty nhựa Việt Nam và làm giảm sức cạnh tranh của các sản phẩm nhựa Việt Nam trên thị trường nội địa cũng như trên thị trường xuất khẩu, do giá nguyên liệu thường chiếm tới 75 – 80% giá thành của sản phẩm. Trên thực tế, các doanh nghiệp thuộc ngành nhựa chịu sự ảnh hưởng rất lớn từ rủi ro này, vì khi giá nguyên vật liệu đầu vào tăng nhưng các doanh nghiệp khó có thể điều chỉnh giá bán ra tăng tương ứng cùng thời điểm vì các hợp đồng ký trước với khách hàng. Việc không chủ động được nguyên liệu đầu vào là một hạn chế lớn đối với ngành nhựa Việt Nam. Các nhà sản xuất trong nước cũng thiết lập giá bán dựa trên mặt bằng bình quân giá trên thế giới vì nguyên liệu đầu vào của các nhà sản xuất cũng phải nhập khẩu. Để giảm thiểu tối đa rủi ro biến động giá nguyên liệu đầu vào, NHH đã đưa ra một số biện pháp như: tăng cường thiết lập mối quan hệ tốt với các nhà cung cấp cũng như ký các hợp đồng mua nguyên liệu dài hạn để đảm bảo sự ổn định về số lượng cũng như về giá, tìm kiếm nhiều loại vật liệu cùng loại có tính năng tương đương để lựa chọn giá cạnh tranh.

3.2. Rủi ro trả giá của nhà cung cấp

Hiện nay, các công ty cung ứng nguyên liệu nhựa thường có vị thế hơn trong việc thương thảo giá đối với các công ty sản xuất nhựa vì một số lý do sau:

- Nguyên liệu nhựa đầu vào chiếm 70 – 80% chi phí sản xuất của các công ty nhựa.
- Nguyên liệu nhựa chủ yếu phải nhập khẩu từ nước ngoài tới 80%, nguồn cung trong nước hạn chế khiến vị thế của các công ty sản xuất nhựa trong nước đối với những đối

tác cung ứng nước ngoài trở nên yếu đi. Công nghiệp hoá dầu của Việt nam còn non trẻ, sản phẩm ngành chưa đáp ứng được về cả chủng loại cũng như sản lượng, khả năng tự chủ được nguồn nguyên liệu của ngành nhựa trong nước sẽ chưa thể cải thiện trong tương lai gần mặc dù các dự án phát triển hoá dầu đã được triển khai.

- Số lượng công ty sản xuất nhựa trong nước tương đối lớn, trong khi đó nguồn cung nguyên liệu lại bị hạn chế.
- Sản phẩm của Công ty thuộc ngành công nghiệp hỗ trợ nên có yêu cầu chất lượng cao, đảm bảo các tính năng và công năng theo yêu cầu từ các thương hiệu lớn. Do vậy nguyên liệu nhựa được sử dụng sản xuất đều có xuất xứ rõ ràng và là nhựa có tiêu chuẩn cao, phần lớn trong nước chưa sản xuất được và do khách hàng chỉ định loại, sử dụng, nguồn cung cấp.

3.3. Rủi ro trả giá người mua

- Sản phẩm nhựa của các công ty trên thị trường khá tương đồng về mẫu mã, chất lượng, vì thế sự lựa chọn của khách hàng cũng đa dạng hơn.
- Các sản phẩm nhựa nhập khẩu tràn lan và giá cả hợp lý cộng thêm các sản phẩm này lại có chất lượng cao. Ngoài ra việc ra quyết định thay đổi thói quen sử dụng sản phẩm nhựa của khách hàng cũng khá đơn giản, đây là một áp lực lớn đối với các công ty sản xuất nhựa trong nước.
- Sản phẩm chủ yếu hiện nay của Công ty là các chi tiết nhựa để lắp ráp xe máy, tuy nhiên hiện nay thị trường xe máy đã bão hoà nên sức cầu của thị trường sẽ sụt giảm.
- Đối với sản phẩm nhựa cung cấp cho ngành ô tô thì chưa phát triển được nhiều do các Hãng cũng còn lúng túng khi triển khai nội địa hóa, chưa xác định được loại vật liệu vì bản vẽ chỉ định loại nhựa của nguồn cung trước đây sử dụng, chủ yếu từ nhà sản xuất Indonesia, Thái lan nhưng lượng ít và không tìm được rõ ràng, khó nhập khẩu, việc dùng vật liệu thay thế gặp khó khăn vì phụ tùng ô tô có nhiều các yêu cầu kiểm tra (test) tính năng, phụ tùng con trong lắp ráp sản phẩm nhựa cũng gặp khó khăn để phát triển vì lượng quá ít và Hãng cũng chưa có bản vẽ rõ ràng. Ngoài ra, việc phát triển sản phẩm phụ tùng ô tô còn chịu sức ép giá thấp để cạnh tranh trong khi vẫn còn sản xuất loạt nhỏ, quy mô phải đầu tư lớn và chính sách thuế nhập khẩu đối với ô tô nguyên chiếc, linh kiện ô tô nhập khẩu lại đang giảm theo lộ trình hội nhập thế giới, khiến việc phát triển nội địa hoá của các hãng Toyota, Honda cũng rất khó khăn.
- Sản phẩm cung cấp cho Công ty Honda Việt Nam chiếm tỷ trọng lớn trong tổng doanh thu hàng năm của Công ty, do vậy khi chính sách mua hàng của đối tác thay đổi sẽ ảnh hưởng rất lớn đến sản xuất kinh doanh của Công ty.

3.4. Rủi ro khác

Các rủi ro nằm ngoài khả năng dự báo và vượt quá khả năng phòng chống của con người như động đất, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh,…đều gây ra ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động của Công ty. Để hạn chế tối đa những thiệt hại có thể xảy ra. Công ty cũng đã xem xét và xây

dựng một số kịch bản phòng ngừa rủi ro bất khả kháng nhằm giảm thiểu tối đa rủi ro cho Công ty và đảm bảo tính hoạt động liên tục.

4. Rủi ro của đợt chào bán, của dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán

4.1. Rủi ro của đợt chào bán

Trong đợt chào bán này, Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội dự kiến chào bán thêm 3.800.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 65:38 với giá chào bán là 30.000 đồng/cổ phiếu. Giá giao dịch của cổ phiếu NHH trên thị trường tính tại ngày 31/08/2018 là 73.800 đồng/cổ phiếu và tại thời điểm xây dựng hồ sơ chào bán thì giá cổ phiếu đang giao dịch quanh vùng giá này. Như vậy, nếu thị trường chứng khoán tiếp tục có những diễn biến ổn định trong thời gian tới thì Công ty sẽ hạn chế được rủi ro do cổ đông từ chối thực hiện quyền mua.

Trong trường hợp thị trường bất ngờ có diễn biến xấu và đi xuống, hoặc trong trường hợp giá cổ phiếu NHH giảm xuống dưới vùng giá chào bán khiến các cổ đông có thể không thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán thêm thì thì số lượng cổ phiếu không đặt mua hết (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định bán cho các đối tượng khác (kể cả các cổ đông của Công ty có nhu cầu tăng sở hữu cổ phần) với các điều kiện như sau:

- ✓ Giá chào bán không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu.
- ✓ Không được chào bán cho một tổ chức, cá nhân hoặc một nhóm tổ chức, cá nhân và người có liên quan dẫn đến tỷ lệ sở hữu của các đối tượng này vượt mức sở hữu theo quy định về chào mua công khai được quy định tại Khoản 11 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán.
- ✓ Không được chào bán cho một tổ chức, cá nhân hoặc một nhóm tổ chức, cá nhân và người có liên quan từ 10% (mười phần trăm) trở lên vốn điều lệ của Công ty.
- ✓ Không được chào bán cho các đối tượng là công ty con của Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội.

Với các điều kiện và tiêu chí lựa chọn nêu trên, có thể xuất hiện rủi ro không chào bán hết được số lượng cổ phiếu còn dư cho các đối tượng khác. Trong trường hợp không phân phối hết cổ phiếu của đợt chào bán thì Công ty sẽ thực hiện tăng vốn theo số lượng vốn góp thực tế của các cổ đông và các nhà đầu tư. Số vốn còn thiếu sẽ được huy động từ các nguồn vốn khác.

4.2. Rủi ro của dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán

Công ty dự kiến sử dụng số tiền 114.000.000.000 đồng thu được từ đợt chào bán để:

- Nâng cao quy mô vốn điều lệ của Công ty để đảm bảo về năng lực tài chính, nâng cao năng lực cạnh tranh, thuận lợi cho công tác đấu thầu, tìm kiếm khách hàng mới, mở rộng thị phần;
- Thực hiện tốt kế hoạch kinh doanh năm 2018 và các năm tiếp theo;
- Bổ sung vốn lưu động, duy trì cơ cấu tài chính an toàn và tăng cường khả năng tự chủ về tài chính của Công ty;
- Đầu tư bổ sung thiết bị mới, nâng cao năng lực thiết bị hiện có phục vụ tốt hơn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Đảm bảo lợi ích cho các cổ đông của Công ty.

Với việc đầu tư này, Công ty có thể gặp rủi ro phát sinh từ việc đầu tư không đúng chủng loại máy móc thiết bị cần thiết để phục vụ hiệu quả cho hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc cải tạo, nâng cao năng lực thiết bị cũ nhưng không còn phù hợp với những yêu cầu mới trong bối cảnh công nghệ đã đổi mới, hiện đại, tiên tiến hơn. Để khắc phục rủi ro này, Hội đồng quản trị Công ty đã xây dựng và trình Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua kế hoạch chi tiết đầu tư vào các máy móc thiết bị mới cũng như cải tạo, nâng cao năng lực thiết bị, nhà xưởng, cơ sở hạ tầng hiện có phù hợp với nhu cầu thực tế của Công ty thời điểm hiện tại.

5. Rủi ro pha loãng

Theo kế hoạch triển khai của Công ty thì dự kiến đợt chào bán cổ phiếu tăng vốn điều lệ sẽ hoàn tất vào quý IV/2018.

Trong trường hợp chào bán thành công thì số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty dự kiến sẽ tăng từ 6.500.000 cổ phiếu lên 16.800.000 cổ phiếu. Các nhà đầu tư nên lưu ý các vấn đề sau liên quan đến mức độ pha loãng cổ phần:

5.1. Pha loãng về thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phiếu (EPS)

Sự khác biệt về tốc độ tăng trưởng lợi nhuận của Công ty với tốc độ tăng số lượng cổ phiếu đang lưu hành có thể ảnh hưởng đến chỉ số EPS, cụ thể như sau:

$$\text{EPS (cơ bản)} = \frac{\textit{Lợi nhuận sau thuế - Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi}}{\textit{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ}}$$

Trong đó:

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ = (X x 12 + Y x T)/12
  - ✓ X: Số lượng cổ phiếu đang lưu hành trước khi chào bán
  - ✓ Y: Số lượng cổ phiếu chào bán
  - ✓ T: Thời gian lưu hành thực tế trong năm của cổ phiếu phát hành thêm (tháng)

Giả sử ngày hoàn tất đợt chào bán này là ngày 30/11/2018. Khi đó:

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ = (6.500.000 x 12 + 10.300.000 x 1)/12 = 7.358.333 cổ phiếu.

Lợi nhuận sau thuế dự kiến của Công ty năm 2018: 42.720.000.000 đồng.

- EPS dự kiến của năm 2018 trong trường hợp không chào bán thêm cổ phiếu: 42.720.000.000/6.500.000 = 6.572 đ/cổ phiếu
- EPS dự kiến của năm 2018 sau khi hoàn tất việc chào bán cổ phiếu: 42.720.000.000/7.358.333 = 5.806 đ/cổ phiếu

Như vậy, thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phiếu sau khi Công ty chào bán cổ phiếu có thể giảm 766 đồng (tương ứng giảm 11,66%) so với khi Công ty không chào bán thêm cổ phiếu.

5.2. Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần:

$$\text{Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần} = \frac{\textit{Tổng tài sản – Tài sản vô hình – Nợ phải trả}}{\textit{Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành}}$$

Tại thời điểm 31/12/2017, giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần của Công ty là 45.319 đồng. Tại thời điểm kết thúc đợt chào bán, nếu tốc độ tăng vốn chủ sở hữu thấp hơn tốc độ tăng số lượng cổ phiếu sau đợt chào bán thì giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần sẽ giảm.

5.3. Điều chỉnh kỹ thuật giá của cổ phiếu NHH trên thị trường

Giá cổ phiếu NHH sẽ bị điều chỉnh kỹ thuật trên thị trường tại ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu chào bán thêm. Giá thị trường của cổ phiếu NHH sẽ được điều chỉnh theo công thức sau:

$$Ppl = \frac{Pt \times Qt + Pr \times Qr}{Qt + Qi + Qr}$$

Trong đó:

- Ppl: Giá cổ phiếu pha loãng tại ngày giao dịch không hưởng quyền
- Pt: Giá cổ phiếu NHH tại ngày giao dịch trước ngày giao dịch không hưởng quyền
- Pr: 30.000 đồng/cổ phiếu (Giá chào bán đối với cổ phiếu chào bán)
- Qt: là khối lượng cổ phiếu đang lưu hành trước khi chào bán
- Qi: là khối lượng cổ phiếu phát hành tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu
- Qr: là khối lượng cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu

Giả định tại ngày giao dịch trước ngày giao dịch không hưởng quyền, giá thị trường của cổ phiếu NHH là 80.000 đồng/cổ phiếu. Sau khi phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu theo tỷ lệ 1:1 và chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 65:38 với giá 30.000 đồng/cổ phiếu thì giá cổ phiếu NHH sau khi pha loãng là:

$$\frac{80.000 \times 6.500.000 + 30.000 \times 3.800.000}{6.500.000 + 6.500.000 + 3.800.000} = 37.738 \text{ đồng}$$

5.4. Về tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết

Tỷ lệ nắm giữ cũng như quyền biểu quyết của cổ đông sẽ bị giảm một tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ mà cổ đông từ chối quyền mua trong đợt chào bán này (so với thời điểm trước ngày chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán thêm mà cổ đông có).

6. Rủi ro về quản trị công ty và cơ chế quản lý phát sinh từ việc tăng vốn

6.1 Rủi ro về quản trị Công ty

Quản trị công ty tốt có ý nghĩa quan trọng trong việc thúc đẩy sự phát triển của doanh nghiệp. Quản trị công ty liên quan đến mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị, Ban điều hành, các cổ đông và những bên có quyền lợi liên quan tạo nên định hướng và sự kiểm soát công ty.

Chủ trương của Công ty khi tăng vốn là phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. Khả năng cổ đông hiện hữu không mua hết lượng cổ phiếu phát hành thêm là điều có thể xảy ra.

Khi đó, số lượng cổ phiếu còn dư sẽ do HĐQT Công ty quyết định phân phối cho những đối tượng khác theo những điều kiện phù hợp. Sự tham gia của các cổ đông mới sẽ làm thay đổi tỷ lệ sở hữu, xuất hiện những quan điểm khác biệt trong quản trị điều hành và có thể phát sinh các xung đột lợi ích dẫn đến việc quản trị điều hành Công ty gặp nhiều khó khăn, ảnh hưởng tới kết quả kinh doanh và định hướng phát triển của Công ty.

6.2 Rủi ro về cơ chế quản lý

Cơ chế quản lý của Công ty hiện được xây dựng dựa trên quy mô vốn điều lệ hiện tại với các ngành nghề sản xuất kinh doanh truyền thống. Việc tăng vốn lên sẽ tạo nên những áp lực lớn hơn, đòi hỏi Công ty có thể phải điều chỉnh định hướng hoạt động và mở rộng thêm lĩnh vực kinh doanh để đem lại hiệu quả tương ứng với quy mô vốn mới. Khi đó, Công ty có thể gặp rủi ro trong quá trình triển khai hoạt động do cơ chế quản lý cũ không theo kịp với yêu cầu phát triển mới. Điều này có thể ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh và sự phát triển của Công ty trong tương lai.

7. Rủi ro khác

Bên cạnh những nhân tố rủi ro trên, còn một số nhân tố rủi ro mang tính bất khả kháng như: thiên tai, chiến tranh hay dịch bệnh hiểm nghèo trên quy mô lớn. Những rủi ro này hiếm khi xảy ra nhưng nếu xảy ra sẽ để lại những hậu quả thực sự nghiêm trọng, tác động trực tiếp đến hoạt động kinh doanh và phát triển của Công ty. Ngoài ra, sự thay đổi của chính sách tiền tệ, cơ chế thanh toán, lãi vay, phí và các điều kiện ràng buộc của ngân hàng, kho bạc Nhà nước cũng tạo nên các rủi ro bất khả kháng cho doanh nghiệp.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA HÀ NỘI

Ông: Phạm Quốc Trung	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông: Bùi Thanh Nam	Chức vụ: Tổng Giám đốc
Bà: Dương Liễu Mai Khanh	Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát
Bà: Đỗ Thị Hương Giang	Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

2. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN IB

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Tuyết

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán do Công ty Cổ phần Chứng khoán IB tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản cáo bạch này có nội dung như sau:

UBCKNN	Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước
HNX	Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
VSD	Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam
Tổ chức phát hành	Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội
Công ty	Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội
NHH	Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	Hội đồng quản trị
TTCK	Thị trường chứng khoán
Giấy CNĐKKD	Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh
Sở KHĐT	Sở Kế hoạch và Đầu tư
BKS	Ban kiểm soát
CTCP	Công ty cổ phần
BCTC	Báo cáo tài chính
SXKD	Sản xuất kinh doanh
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
ĐVT	Đơn vị tính
VNĐ	Việt Nam Đồng

Ngoài ra, những thuật ngữ khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014, Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010 và các văn bản khác có liên quan.

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Lịch sử hình thành

Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội tiền thân là Xí nghiệp Nhựa Hà Nội trực thuộc Sở Công nghiệp Hà Nội, được thành lập theo Quyết định số 126/QĐ/UB-CN ngày 24/01/1972 của UBND Thành phố Hà Nội.

Ngày 10/08/1993, Xí nghiệp Nhựa Hà Nội được chuyển đổi thành Công ty Nhựa Hà Nội trực thuộc Sở Công Nghiệp Hà Nội theo Quyết định số 2977/QĐ-UB của UBND thành phố Hà Nội.

Ngày 08/08/2005, Công ty Nhựa Hà Nội được chuyển đổi thành Công ty TNHH nhà nước một thành viên Nhựa Hà Nội theo quyết định số 126/2005/QĐ-UB của UBND thành phố Hà Nội.

Thực hiện chủ trương của Chính phủ về việc sắp xếp, đổi mới Công ty nhà nước trực thuộc UBND thành phố Hà Nội giai đoạn 2007 – 2010, ngày 26/11/2007 của UBND Thành phố Hà Nội đã ban hành Quyết định số 4730/QĐ-UBND về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp và phương án cổ phần hoá của Công ty TNHH nhà nước một thành viên Nhựa Hà Nội. Ngày 27/12/2007, Công ty đã tiến hành bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng (IPO) tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội. Kết quả chào bán như sau:

- Số lượng chào bán: 1.122.800 cổ phần
- Giá khởi điểm chào bán: 10.300 đồng/cổ phần
- Số lượng cổ phần chào bán thành công: 834.800 cổ phần
- Giá đấu thành công bình quân: 27.958 đồng/cổ phần

Ngày 16/09/2008, UBND Thành phố Hà Nội đã ban hành Quyết định số 761/QĐ-UBND về việc chuyển đổi Công ty TNHH nhà nước một thành viên Nhựa Hà Nội thành Công ty cổ phần Nhựa Hà Nội.

Ngày 31/10/2008, Công ty chính thức chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103027615 (nay đổi thành số 0100100858) do Sở Kế hoạch & đầu tư TP Hà Nội cấp lần đầu ngày 31/10/2008, với Vốn điều lệ là 65.000.000.000 đồng (trong đó Vốn thuộc sở hữu Nhà nước là: 53.112.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 81,71% vốn điều lệ).

1.2. Giới thiệu về Công ty

Tên công ty:	CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA HÀ NỘI
Tên viết tắt:	HPCS.,JSC
Tên tiếng Anh:	HaNoi Plastics Joint stock Company
Trụ sở chính:	Tổ 12, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, thành phố Hà Nội
Giấy CNĐKKD:	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100100858 do sở Kế hoạch đầu tư TP. Hà Nội cấp lần đầu ngày 31/12/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 04/06/2018

Vốn điều lệ: 65.000.000.000 đồng

Vốn thực góp: 65.000.000.000 đồng

Điện thoại: 024. 3875 6889 **Fax**: 024. 3875 6884

Website: www.hanoiplastics.com.vn

Email:

Logo:

Ngành nghề kinh doanh:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100100858 do sở Kế hoạch đầu tư TP. Hà Nội cấp lần đầu ngày 31/12/2008, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 04/06/2018 ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty như sau:

STT	Tên ngành nghề
1	- *Sản xuất, mua bán các loại khuôn mẫu, thiết bị chuyên dùng phục vụ công nghệ sản xuất nhựa và cung cấp cho các nghành công nghiệp khác*
2	- *Sản xuất, mua bán các sản phẩm nhựa công nghiệp như các phụ kiện trong công nghiệp xây dựng, các chi tiết nhựa trong công nghiệp điện tử viễn thông, công nghiệp sản xuất ô tô, xe máy, các sản phẩm ngành công nghiệp khác và các mặt hàng nhựa gia dụng;*
3	- *Xuất khẩu các sản phẩm của Công ty và sản phẩm liên doanh, hợp tác;*
4	- *Nhập khẩu thiết bị, máy móc, khuôn mẫu, vật tư kỹ thuật, hoá chất và các mặt hàng khác mà Nhà nước không cấm;*
5	- *Dịch vụ vận chuyển hàng hoá bằng ô tô;*
6	- *Mở lớp đào tạo nghề, bồi dưỡng, nâng cao tay nghề về công nghệ sản xuất sản phẩm nhựa, chế tạo khuôn mẫu cho cán bộ công nhân viên Công ty và các đối tượng khác khi có nhu cầu (Doanh nghiệp chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép)*

2. Cơ cấu tổ chức của Công ty

Hình 1 : Sơ đồ tổ chức Công ty cổ phần Nhựa Hà Nội

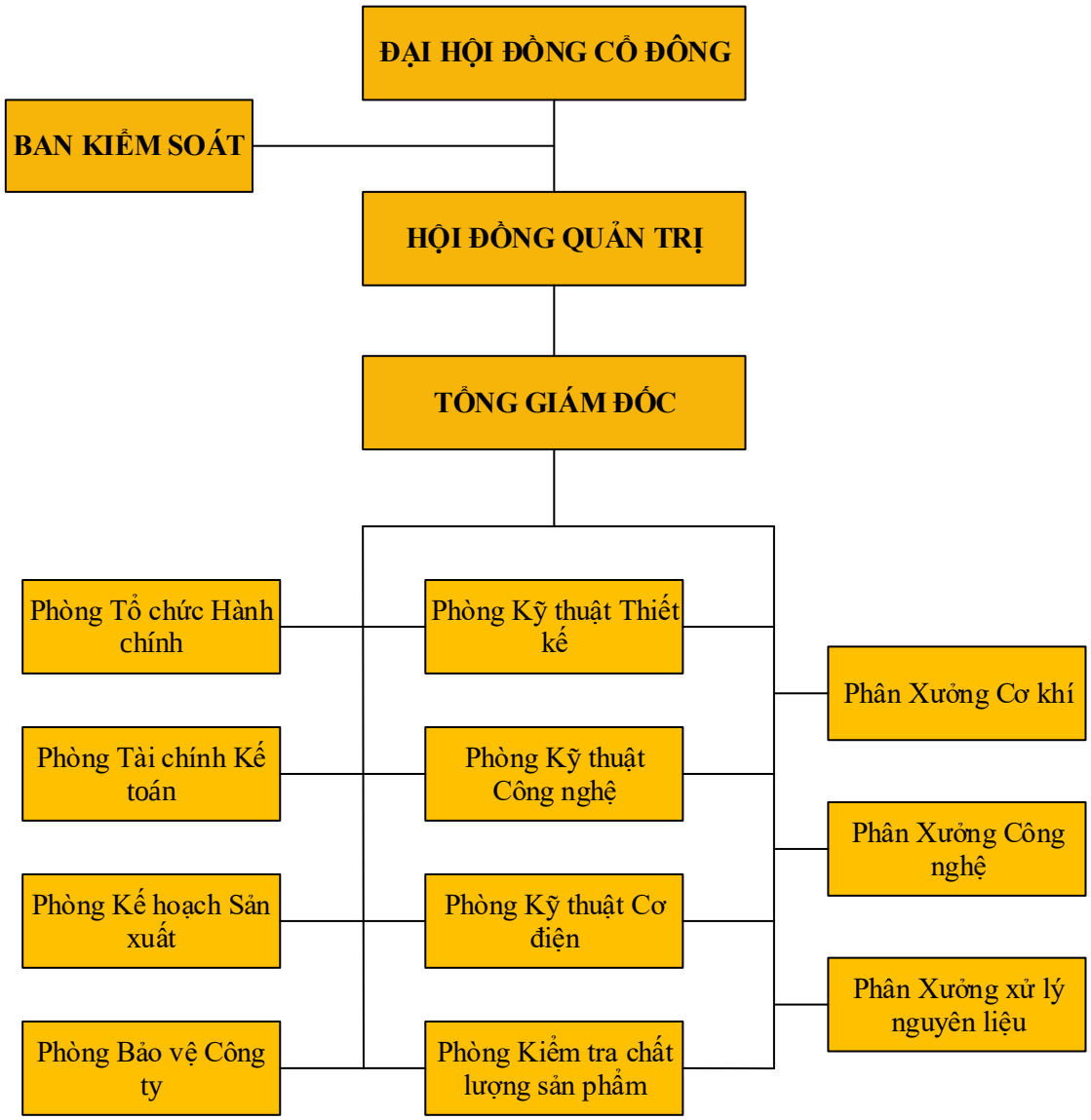

Nguồn: Công ty cổ phần Nhựa Hà Nội

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội được tổ chức và hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng giám đốc. Các hoạt động của Công ty tuân thủ Luật doanh nghiệp, các quy định khác có liên quan và Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty.

3.1. Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ)

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ: Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm và định hướng phát triển của Công ty; thông qua Báo cáo tài chính năm được kiểm toán, các báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật pháp và Điều lệ Công ty.

3.2. Hội đồng quản trị (HĐQT)

Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu, nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông:

- Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy của Công ty.
- Quyết định chiến lược đầu tư, phát triển của Công ty trên cơ sở các mục đích chiến lược do ĐHĐCĐ thông qua.
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, giám sát hoạt động của Ban Giám đốc.
- Kiến nghị sửa đổi, bổ sung Điều lệ, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm, Báo cáo tài chính, quyết toán năm, phương án phân phối lợi nhuận và phương hướng phát triển, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm trình ĐHĐCĐ.
- Triệu tập, chỉ đạo chuẩn bị nội dung và chương trình cho các cuộc họp ĐHĐCĐ.
- Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty.
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

Hiện tại Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội có 05 thành viên. Cơ cấu Hội đồng quản trị đương nhiệm:

Ông: Phạm Quốc Trung	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông: Bùi Thanh Nam	Thành viên Hội đồng quản trị
Ông: Nguyễn Anh Tài	Thành viên Hội đồng quản trị
Ông: Phan Tấn Bình	Thành viên Hội đồng quản trị
Ông: Nguyễn Hữu Thắng	Thành viên Hội đồng quản trị

3.3. Ban kiểm soát

Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban Kiểm soát có nhiệm vụ giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong công việc quản lý và điều hành Công ty; kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính; thực hiện các nhiệm vụ khác theo Điều lệ Công ty.

Hiện tại Ban kiểm soát của Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội có 03 thành viên. Cơ cấu Ban kiểm soát đương nhiệm:

Bà: Dương Liễu Mai Khanh	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà: Nguyễn Thị Nguyệt	Thành viên Ban Kiểm soát
Bà: Chử Thị Khuê	Thành viên Ban Kiểm soát

3.4. Ban Tổng Giám đốc Công ty

Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Quyền hạn và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Tổng Giám đốc điều hành chung các hoạt động của Công ty và trực tiếp phụ trách một số lĩnh vực. Tổng Giám đốc phân công cho các Phó Tổng Giám đốc phụ trách một số lĩnh vực cụ thể. Theo yêu cầu điều hành trong từng thời gian, Tổng Giám đốc có thể điều chỉnh lại sự phân công việc giữa các Phó Tổng Giám đốc. Khi cần thiết Tổng Giám đốc có thể uỷ quyền cho Phó Tổng Giám đốc thực hiện một số nhiệm vụ của Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc: Là người giúp cho Tổng Giám đốc điều hành Công ty theo phân công và uỷ quyền của Tổng Giám đốc, chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về các nhiệm vụ được phân công và giao quyền.

Thành phần Ban Tổng Giám đốc đương nhiệm:

Ông: Bùi Thanh Nam	Tổng Giám đốc
Bà: Phạm Thị Thanh Hiền	Phó Tổng Giám đốc

3.5. Kế toán trưởng:

Bà: Đỗ Thị Hương Giang	Kế Toán Trưởng

3.6. Các công ty con

Công ty hiện có 01 công ty con: Công ty TNHH Phát triển Xuất nhập khẩu và đầu tư VIEXIM.

3.7. Các phòng ban/Bộ máy giúp việc

❖ ***Phòng hành chính nhân sự:***

- Bảo đảm tuyển dụng lao động theo yêu cầu của các đơn vị; Phụ trách công tác đào tạo của Công ty: Xây dựng Kế hoạch đào tạo hàng năm và tổ chức thực hiện các loại hình đào tạo; Công tác nâng bậc lương.
- Tổ chức thực hiện việc xây dựng đơn giá tiền lương, tham mưu cho Tổng giám đốc điều động sắp xếp bố trí lao động trong các phòng ban, phân xưởng phù hợp với nhu cầu và khả năng, trình độ chuyên môn nghiệp vụ của từng người. Thực hiện chế độ trả lương, thưởng, chế độ chính sách BHXH cho người lao động theo đúng quy định của Nhà nước.
- Công tác xây dựng, sửa chữa, cải tạo nhà xưởng và quản lý đất đai.
- Đảm bảo công tác chăm sóc sức khoẻ ban đầu cho CBCNV; thực hiện các chế độ khám chữa bệnh, thai sản, TNLĐ, bệnh nghề nghiệp theo chính sách BHXH; tổ chức khám sức khoẻ định kỳ cho CBCNV.

❖ ***Phòng tài chính kế toán***

- Phụ trách công tác tài chính kế toán của Công ty; Quản lý, hoạch toán chính xác toàn bộ tài sản, tiền vốn của Công ty cổ phần theo đúng quy định của chế độ hạch toán kế toán, thống kê hiện hành, phản ánh kịp thời tình hình sử dụng, biến động tài sản, vốn. Đặc biệt, thực hiện kết hợp các Phòng KHSX, Phòng KTTK, PXCK hạch toán phân bổ khấu hao khuôn, dụng cụ, phương tiện đóng hàng, phương tiện phục vụ sản xuất có giá trị lớn và có

thời gian sử dụng dài, nhằm mục tiêu toán sát thực tế các khoản mục chi phí – lỗ - lãi trong kỳ của Công ty cổ phần.

- Thường xuyên kiểm tra, đối chiếu tình hình công nợ, xác định và phân loại các khoản nợ tồn đọng, phân tích khả năng thu hồi để có biện pháp xử lý kịp thời.
- Quản lý tiền mặt và các chi phí phục vụ sản xuất, quan hệ giao dịch với ngân hàng, tổ chức tài chính, chi trả lương cho CBCNV, tính toán lỗ lãi, bảo toàn vốn của Công ty.

❖ ***Phòng Kế hoạch sản xuất***

- Công tác kế hoạch: lập kế hoạch sản xuất ngắn hạn; điều độ, tổ chức và quản lý sản xuất tại các Phân xưởng sản xuất trong Công ty. Căn cứ vào đơn hàng, hợp đồng của khách hàng lập kế hoạch sản xuất và giao hàng đúng thời gian đã thoả thuận.
- Công tác vật tư: Lập kế hoạch mua hàng hàng năm và thực hiện mua hàng (vật tư, nguyên liệu, bao bì, vật rẻ tiền mau hỏng...) phục vụ sản xuất cho các PX sản xuất.
- Quản lý dữ liệu giá cả sản phẩm, giá cả vật tư, khuôn mẫu, máy móc thiết bị, dụng cụ toàn Công ty. Phối hợp với các Phòng KTTK, PXCK tính toán chi phí thực tế cho các bộ khuôn thực hiện hạch toán khấu hao, làm cơ sở cho Phòng Tài vụ tiến hành hạch toán khấu hao khuôn trong chế độ hạch toán kế toán của Công ty cổ phần.

❖ ***Phòng Kỹ thuật thiết kế***

- Phụ trách công tác quản lý kỹ thuật về khuôn mẫu, triển khai thiết kế và lập trình gia công chế tạo khuôn; Lập nội dung yêu cầu sửa chữa khuôn khi có sự cố lớn hoặc khi khuôn mới tiếp nhận từ khách hàng, cần thiết phải sửa chữa; Kiểm tra chất lượng khuôn trước khi sản xuất thử và trước khi sản xuất đại trà.
- Thực hiện công tác quản lý danh mục khuôn mẫu toàn Công ty.
- Tham gia nghiên cứu phát triển sản phẩm mới.
- Đào tạo mới và đạo tạo nâng cao tay nghề cho người lao động trong lĩnh vực quản lý và sử dụng khuôn.

❖ ***Phòng Kỹ thuật công nghệ***

- Tham gia nghiên cứu, chế thử các sản phẩm mới theo yêu cầu của khách hàng và chiến lược phát triển của Công ty, lập các điều kiện công nghệ đảm bảo đưa các sản phẩm mới vào sản xuất đại trà ổn định.
- Xác lập, ban hành quy trình công nghệ và các quy định hướng dẫn thao tác kỹ thuật, tiêu chuẩn kiểm tra, xác nhận mẫu sản phẩm đạt chất lượng.
- Kết hợp với các đơn vị để giải quyết các vấn đề liên quan đến sản phẩm, mẫu, dưỡng sản phẩm, định mức lao động và định mức vật tư sản phẩm, đảm bảo chất lượng sản phẩm ổn định.
- Kết hợp các đơn vị xác minh xác khiếu nại của khách hàng truy tìm nguyên nhân và có hành động khắc phục.

- Tham gia các chương trình cải tiến, nâng cao năng suất lao động, tiết giảm chi phí. Thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra và hướng dẫn các đơn vị thực hiện tốt công tác chất lượng.
- Đào tạo mới và đạo tạo nâng cao tay nghề cho người lao động trong lĩnh vực quản lý kỹ thuật công nghệ nhựa.

❖ ***Phòng Kỹ thuật cơ điện***

- Thực hiện công tác sữa chữa, bảo dưỡng, kiểm định, hiệu chuẩn và quản lý máy móc thiết bị, thiết bị đo kiểm, thiết bị có yêu cầu sử dụng nghiêm ngặt toàn Công ty.
- Công tác sửa chữa, bảo dưỡng và quản lý điện năng toàn Công ty.
- Công tác nghiên cứu và ứng dụng tiến bộ KHCN vào trong sản xuất.
- Công tác sáng kiến cải tiến, định mức kinh tế kỹ thuật, quy trình quy phạm kỹ thuật an toàn và bảo hộ lao động.
- Công tác đào tạo và đào tạo lại nguồn nhân lực thuộc lĩnh vực được phân công.

❖ ***Phòng Bảo vệ Công ty***

- Công tác bảo vệ tài sản Công ty; Công tác an ninh trật tự; Công tác an toàn phòng cháy chữa cháy và các yêu cầu an toàn khác.
- Công tác quốc phòng, chính sách hậu phương quân đội và luật nghĩa vụ quân sự; xây dựng lực lượng dân quân tự vệ và dự bị đông viên.

❖ ***Phòng Kiểm tra chất lượng sản phẩm***

- Tổ chức kiểm tra, giám sát công tác chất lượng vật tư đầu vào, chất lượng sản phẩm trong và sau quá trình sản xuất, đảm bảo các vật tư, sản phẩm sản xuất đã qua kiểm tra, đạt tiêu chuẩn chất lượng theo tiêu chuẩn kiểm tra đã ban hành.
- Thống kê, phân tích và tổng hợp tình hình chất lượng sản phẩm toàn công ty theo định kỳ (tuần, tháng, năm), đề xuất biện pháp và yêu cầu đối sách, thực hiện giám sát đối sách của các bộ phận liên quan khắc phục, phòng ngừa đối với sản phẩm phát sinh sai lỗi.
- Quản lý các dạng mẫu sản phẩm lỗi làm giáo cụ trực quan cho đào tạo và nhận dạng sai lỗi khi sản xuất.

❖ ***Phân xưởng cơ khí***

- Tổ chức triển khai thực hiện công tác gia công chế tạo khuôn, sửa chữa và bảo dưỡng khuôn mẫu theo yêu cầu của các đơn vị liên quan và theo quy định của Công ty, lắp đặt thiết bị sản xuất theo đúng tiến độ, kế hoạch của Công ty yêu cầu.
- Kiểm tra đôn đốc việc chấp hành các quy trình vận hành máy gia công và thực hiện bảo hộ an toàn lao động, phòng cháy, chữa cháy, giữ gìn trật tự vệ sinh công nghiệp.

❖ ***Phân Xưởng xử lý nguyên liệu***

- Tổ chức triển khai thực hiện công nghệ sản xuất tạo hạt nguyên liệu, phục vụ sản xuất sản phẩm nhựa của Công ty, đảm bảo thời gian, màu sắc và chất lượng sản phẩm. Xử lý đề xê, phế liệu phát sinh trong quá trình sản xuất.
- Kiểm tra và sắp xếp hàng hóa vào phương tiện giao hàng chuyên dụng theo từng múi giờ giao hàng như yêu cầu từ khách hàng.
- Tổ chức thực hiện quản lý thiết bị, lao động, vật tư, sản phẩm, thanh quyết toán theo yêu cầu, quy định của Công ty.

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông của Công ty.

4.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty:

Bảng 01: Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty tại ngày 24/05/2018

TT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	Công ty CP chứng khoán IB (*)	Tầng 8, số phố 52 Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội	538.700	8,29%
2	Công ty CP quản lý quỹ đầu tư MB	Tầng 8, tòa nhà MB, số 03 Liễu Giai, P Cống Vị, Ba Đình, HN	497.000	7,65%
3	Công ty CP quản lý quỹ đầu tư Đỏ	Tầng 7-9 Vincom center Đồng Khởi, 72 Lê Thánh Tôn, P. Bến Nghé, quận 1, TP HCM	370.900	5,70%
4	Công ty TNHH một thành viên Cadivi Đồng Nai	Đường số 1, khu công nghiệp Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.	1.618.000	24,89%
Tổng cộng:			**3.024.600**	**46,53%**

(Nguồn: Danh sách cổ đông CTCP Nhựa Hà Nội chốt tại ngày 24/5/2018)

(*) Ghi chú: Theo CBTT của cổ đông lớn thì ngày 13/06/2018 CTCP Chứng khoán IB đã bán toàn bộ 538.700 cổ phần NHH và không còn là cổ đông của NHH.

4.2. Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ *(nếu các quy định về hạn chế chuyển nhượng còn hiệu lực)*:

Công ty cổ phần Nhựa Hà Nội không có cổ đông sáng lập.

4.3. Cơ cấu cổ đông tại ngày chốt gần nhất trên mức vốn thực góp hiện tại

Bảng 02: Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 24/5/2018

TT	Đối tượng	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	Cổ đông trong nước	199	6.498.900	99,98%
	- Cá nhân	*188*	*1.986.300*	*30,56%*
	- Tổ chức	*11*	*4.512.600*	*69,42%*
2	Cổ đông nước ngoài	03	1.100	0,02%
	- Cá nhân	*03*	*1.100*	*0,02%*
	- Tổ chức	*0*	*0*	*0*
TỔNG CỘNG		**202**	**6.500.000**	**100%**

(Nguồn: Danh sách cổ đông Công ty Nhựa Hà Nội chốt tại ngày 24/5/2018)

5. Danh sách những Công ty mẹ và Công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành

5.1. Các Công ty mẹ và những công ty/tổ chức nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối

Không có

5.2. Các Công ty con và những công ty mà CTCP Nhựa Hà Nội đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối:

Bảng 04: Danh sách công ty con

TT	Tên công ty	Địa chỉ	Giấy CNĐKKD	Vốn điều lệ đăng ký (triệu VNĐ)	Vốn điều lệ thực góp (triệu VNĐ)	Tỷ lệ góp vốn của CTCP Nhựa Hà Nội
I	**Công ty con**					
1	Công ty TNHH Phát triển xuất nhập khẩu và đầu tư Viexim	Thôn Hảo, xã Liệu Xá, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên	**0900259855**	**20.700**	**20.700**	**100%**

Nguồn: Công ty cổ phần Nhựa Hà Nội

6. Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Công ty

Công ty chưa tăng vốn từ khi thành lập

7. Hoạt động kinh doanh

7.1. Các hoạt động kinh doanh chính

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất các sản phẩm thuộc ngành công nghiệp hỗ trợ như: Phụ tùng Ô tô, xe máy cấp cho Toyota Việt Nam, Honda Việt Nam, Piaggio Việt Nam, VMEP; linh kiện điện, điện tử, xây dựng cấp cho Panasonic, KORG Việt Nam, và xuất khẩu sang Nhật Bản, Italia; cung cấp các hộp nhựa, pallet công nghiệp cho các ngành sản xuất công nghiệp trong nước; Chế tạo khuôn mẫu cho ngành nhựa.

❖ ***Sản phẩm phụ tùng ô tô, xe máy***

❖ ***Phụ kiện ngành điện tử viễn thông***

❖ ***Phụ kiện ngành xây dựng***

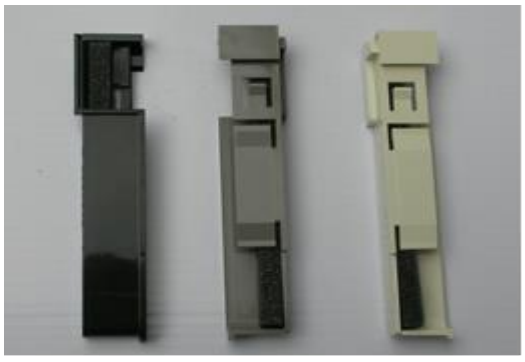

❖ ***Phụ kiện cho sản phẩm điều hoà***

Sản phẩm Palet, thùng chứa

7.2. Cơ cấu doanh thu

Hoạt động kinh doanh tạo doanh thu chính của Công ty là sản xuất công nghiệp.

Bảng 05: Cơ cấu doanh thu

Đơn vị: Triệu đồng

Sản phẩm dịch vụ	2016		2017		6 tháng đầu năm 2018	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Doanh thu bán hàng hóa	903.368	99,76%	887.798	99,76%	477.128	99,72%
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.135	0,24%	2.106	0,24%	1.317	0,28%
Tổng cộng	**905.503**	**100%**	**889.904**	**100%**	**475.445**	**100%**

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2016, 2017 và BCTC hợp nhất 30/06/2018

Biểu 3: Cơ cấu doanh thu năm 2016

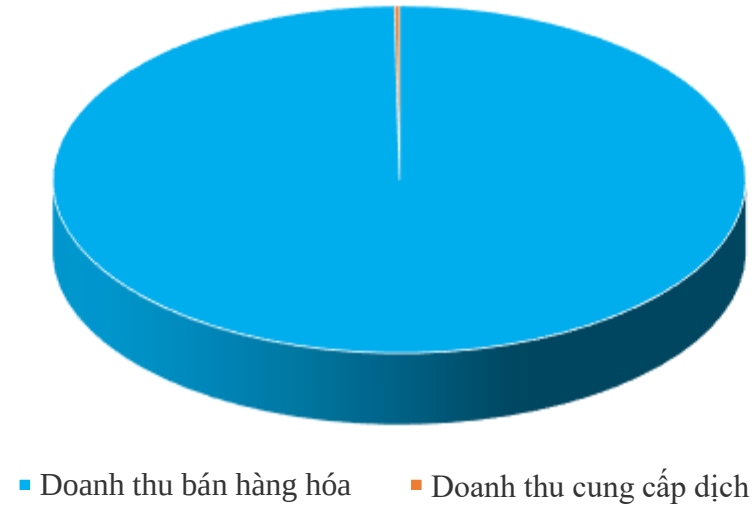

Biểu 4:Cơ cấu doanh thu năm 2017

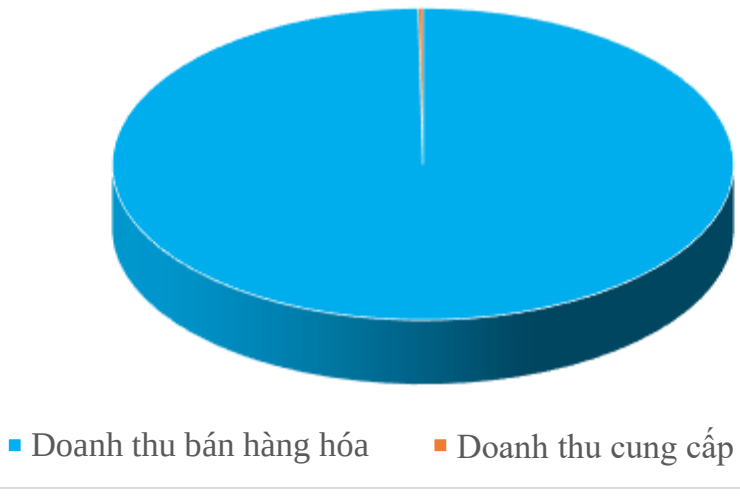

Biểu 5:Cơ cấu doanh thu 30/06/2018

7.3. Doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế giai đoạn 2016 – 30/06/2018

Bảng 06: Doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Khoản mục	2016	2017	% tăng giảm 2017/2016	6 tháng đầu năm 2018
1	Doanh thu thuần	905.503	889.904	- 1,72%	475.445
2	Lợi nhuận sau thuế	74.216	57.765	- 22,17%	23.127

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2016, 2017 và BCTC hợp nhất 30/06/2018

7.4. Chi phí sản xuất

Sản phẩm của Công ty thuộc ngành công nghiệp hỗ trợ nên có yêu cầu chất lượng cao, đảm bảo các tính năng và công năng theo yêu cầu từ các thương hiệu lớn. Do vậy, nguyên liệu nhựa được sử dụng sản xuất sản phẩm đều có xuất xứ rõ ràng và là nhựa kỹ thuật có tiêu chuẩn cao, phần lớn trong nước chưa sản xuất được. Công ty nhập khẩu các loại nhựa PP Copolymer, ABS, PC/ABS, PA66, PP 20GF, PP 30GF, PA6 20-50GF, PA66 30GF, PC, AS, TPO, TPE, PPS ... tức các nước tiên tiến như Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore, Maylaysia, Thái Lan ... và nhựa PVC (F), uPVC của công ty FDI tại Việt Nam.

Nguồn nguyên liệu thép cho chế tạo khuôn cũng đều được nhập khẩu từ các thương hiệu lớn như Hitachi, Daio (Nhật Bản), ASSAB (Thuỵ Điển), THYSSENKRUPP (Đức), đảm bảo chất lượng thép không rỉ, có độ bóng cao, độ cứng phù hợp. Phụ tùng cho khuôn cũng đều nhập phụ tùng tiêu chuẩn từ các từ các hãng nổi tiếng như Mitsumi (Nhật Bản), YUDO (Hàn Quốc).

Bảng 07: Cơ cấu chi phí và tỷ lệ chi phí/ doanh thu thuần

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2016		Năm 2017		6 tháng đầu năm 2018	
		Giá trị (triệu đồng)	%/ Doanh thu thuần	Giá trị (triệu đồng)	%/ Doanh thu thuần	Giá trị (triệu đồng)	%/ Doanh thu thuần
I	**Doanh thu thuần**	**905.503**		**889.904**		**475.445**	
II	**Chi phí**	**827.140**	**91,14%**	**821.186**	**92,24%**	**448.472**	**94,33%**
1	Giá vốn hàng bán	753.553	83,03%	744.346	83,61%	409.438	86,12%
2	Chi phí tài chính	7.265	0,80%	4.963	0,56%	387	0,08%
3	Chi phí bán hàng	34.990	3,86%	37.726	4,24%	19.666	4,14%
4	Chi phí quản lý	31.322	3,45%	34.151	3,84%	18.981	3,99%

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2016, 2017 và BCTC hợp nhất 30/06/2018

7.6. Hoạt động Marketing

- Hiện tại chủ trương của công ty tập trung vào các sản phẩm cho ngành công nghiệp hỗ trợ nên hoạt động Marketing để quảng bá giới thiệu về công ty chủ yếu thông qua các buổi giao thương, gặp gỡ giữa các doanh nghiệp được tổ chức bởi Trung tâm xúc tiến TM - Bộ công thương, Tổ chức Jestro .... Ngoài ra Công ty cũng tích cực tham gia các triển lãm trong và ngoài nước, gửi email và phát tờ rơi giới thiệu sản phẩm đến các doanh nghiệp để quảng bá hình ảnh công ty và tìm kiếm thêm khách hàng mới.

7.7. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh và bản quyền sáng chế

- Biểu tượng logo của Công ty:

- Ý nghĩa logo:

Logo của công ty CP Nhựa Hà Nội là:gồm 3 chữ cái viết tắt tên công ty bằng Tiếng Anh, đặt trong hình tròn âm dương được cách điệu hóa thành hình bầu dục, tạo thành hình chữ S biểu thị nước CHXHCN Việt Nam, trên một cạnh của chữ H là hình ngôi sao năm cánh biểu thị cho Thủ đô Hà Nội.

- Website của Công ty: www.hanoiplastics.com.vn

7.8. Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã được ký kết

Bảng 08: Danh sách các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã được ký kết

STT	Tên hợp đồng	Trị giá	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Sản phẩm	Đối tác trong hợp đồng
1	Hợp đồng nguyên tắc	584.070	16/06/2009	01 năm và tự động gia hạn nếu không có yêu cầu từ các bên	Phụ tùng ô tô, xe máy	Công ty Honda Việt Nam
2	Hợp đồng nguyên tắc	54.096	01/4/2014	01 năm và tự động gia hạn nếu không có yêu cầu từ các bên	Phụ tùng xe máy	Công ty TNHH Piaggio Việt Nam
3	Hợp đồng nguyên tắc	21.646	10/3/2015	01 năm và tự động gia hạn nếu không có yêu cầu từ các bên	Phụ tùng máy văn phòng	Công ty TNHH Panasonic Appliances tại Thăng Long
4	Hợp đồng nguyên tắc	7.935	01/4/2016	01 năm và tự động gia hạn nếu không có yêu cầu từ các bên	Linh kiện máy giặt	Công ty TNHH Panasonic Appliances tại Hưng Yên
5	Hợp đồng nguyên tắc	19.031	01/4/2012	01 năm và tự động gia hạn nếu không có yêu cầu từ các	Phụ tùng ô tô	Công ty ô tô TOYOTA Việt Nam
6	Hợp đồng nguyên tắc	20.148	01/01/2017	01 năm và tự động gia hạn nếu không có yêu cầu từ các bên	Phụ tùng xe máy	Nhà máy sx phụ tùng và lắp ráp xe máy – Công ty VMEP
7	Hợp đồng nguyên tắc	63.920	22/8/2006	01 năm và tự động gia hạn nếu không có yêu cầu từ các bên	Phụ tùng xe máy	Công ty phụ tùng xe máy ô tô Goshi Thăng Long
8	Hợp đồng nguyên tắc	11.213	10/07/2010	01 năm và tự động gia hạn nếu không có yêu cầu từ các bên	Phụ tùng xe máy	Công ty Honda Lock
9	Hợp đồng mua bán	18,02 tỷ	Tháng 5/2018	Tháng 10/2018	Khuôn Phụ tùng xe máy	Công ty Vinfast

STT	Tên hợp đồng	Trị giá	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Sản phẩm	Đối tác trong hợp đồng
10	Hợp đồng khung mua bán hàng hóa	-	Tháng 5/2018	01 năm	Phụ tùng xe máy	Công ty Vinfast
11	Hợp đồng mua bán tổng thể	64.541	1/1/2018	01 năm	Linh kiện máy giặt	Công ty LGE, Severone, Dongjin
12	Hợp đồng mua bán	26.068	Hàng tháng	Theo từng đơn hàng cụ thể	Phụ kiện đường ống, phụ kiện bồn tắm, thiết bị điện	Xuất khẩu đi Nhật cho cty Sanko, Shoden

Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

Ghi chú: Các hợp đồng nguyên tắc với các khách hàng lớn như Honda Việt nam, Toyota Việt Nam, Panasonic System Network, Panasonic Appliance Hưng Yên, Piaggio, VMEP, Sanko… chỉ thể hiện Công ty cổ phần Nhựa Hà Nội là nhà cung cấp thiết bị, linh kiện. Hàng năm, các khách hàng này đều có các đơn hàng cụ thể của năm theo kế hoạch phát triển thị trường tại Việt Nam. Lượng đặt hàng năm sau thường cao hơn năm trước do chính sách phát triển các model mới tại Việt Nam và tăng cường xuất khẩu. Các đối tác này luôn có kế hoạch đặt hàng ổn định và thanh toán đúng hạn theo thỏa thuận, không có nợ đọng. Số liệu trị giá hợp đồng trong bảng là giá tính theo năm 2018.

8. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

8.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

Bảng 09: Kết quả hoạt động kinh doanh

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% tăng giảm 2017/2016	6 tháng đầu năm 2018
Tổng giá trị tài sản	479.384	448.767	- 6,39%	444.314
Doanh thu thuần	905.503	889.904	- 1,72%	476.403
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	80.417	69.049	- 14,14%	29.577
Lợi nhuận khác	11.995	3.411	- 71,56%	1.155
Lợi nhuận trước thuế	92.412	72.461	- 21,58%	30.732
Lợi nhuận sau thuế	74.216	57.765	- 22,17%	24.580
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (*% trả cổ tức x Vốn điều lệ thực góp/LNST*)	**26,27**	**22,50**	-14,35%	-

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2016, 2017, BCTC 6 tháng đầu năm 2018 của Công ty

8.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

a) Những thuận lợi

- Công ty có uy tín và vị thế trong ngành nhựa Việt Nam, có kinh nghiệm nhiều năm sản xuất sản phẩm nhựa kỹ thuật cung cấp cho ngành công nghiệp hỗ trợ: ô tô, xe máy, điện, điện tử, điện lạnh, khuôn nhựa, ... cung cấp cho thị trường trong nước, xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản, Châu Âu.
- Đội ngũ cán bộ quản lý của công ty nhiệt tình, chuyên nghiệp, có nhiều kinh nghiệm, được rèn giũa đào tạo thông qua các đối tác Nhật Bản trong lĩnh vực sản xuất sản phẩm nhựa và thiết kế, chế tạo khuôn nhựa. Lực lượng sản xuất trực tiếp có nhiều nhân viên, người lao động với trình độ tay nghề cao, chuyên cần, làm việc nghiêm túc, bài bản theo các phương thức quản lý sản xuất của các công ty Nhật Bản như quản lý 5S, TPS.
- Công ty có hệ thống máy móc thiết bị mới tiên tiến, hiện đại, đáp ứng các sản phẩm nhựa chất lượng cao và chi phí hợp lý với năng suất cao, phấn đấu giá cạnh tranh.
- Về cơ sở hạ tầng, Công ty sở hữu hai nhà máy:
  - Nhà xưởng tại Tổ 19, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, Hà Nội (Công ty cổ phần Nhựa Hà Nội): Diện tích tương đương 20.000 m^2 , đối diện khu Vincom Village Long Biên và nằm tại trục đường 5 thuận lợi cho giao hàng các tỉnh phía Bắc và mở rộng xuất khẩu qua cảng Hải Phòng.
  - Nhà xưởng tại Thôn Hào, xã Liêu Xá, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên (thuộc Công ty TNHH Phát triển XNK và Đầu tư Viexim – Công ty con): Diện tích tương đương 20.000 m^2 , đối diện khu công nghiệp Thăng Long II và nằm trên trục đường 39, cũng thuận lợi cho giao hàng các tỉnh phía Bắc và mở rộng xuất khẩu qua cảng Hải Phòng.
- Công ty áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2015 và ISO14001:2015 cập nhật hệ thống quản lý của các công ty Nhật Bản (Honda Việt Nam, Toyota Việt Nam ...)

b) Những khó khăn

- Cạnh tranh với các doanh nghiệp cùng ngành ngày càng gay gắt, đặc biệt các doanh nghiệp nước ngoài hiện nay đang dịch chuyển mua hàng từ Trung Quốc sang Việt Nam do chính sách giá cả của Trung Quốc biến động tăng, song họ lại ép doanh nghiệp Việt Nam đáp ứng giá rẻ như mục tiêu trước đây của họ tại Trung Quốc, gây bất lợi cho doanh nghiệp.
- Sản phẩm chiếm tỷ trọng doanh thu lớn hiện nay của Công ty là các chi tiết nhựa để lắp ráp xe máy, tuy nhiên hiện nay thị trường xe máy đã bão hoà và chính phủ Việt Nam cũng hướng tới phát triển giao thông công cộng, hạn chế xe máy trong các thành phố lớn nên sức cầu mua của thị trường sẽ sụt giảm.
- Đối với sản phẩm nhựa cung cấp cho ngành ô tô thì chưa phát triển được nhiều bởi các khó khăn chậm nội địa hóa của các hãng xe lớn đã nêu ở phần rủi ro và ảnh hưởng của chính sách thuế nhập khẩu ô tô nguyên chiếc và linh kiện ô tô giảm theo lộ trình hội nhập thế

giới, khiến giá sản phẩm nhựa nội địa hóa ô tô bị cạnh tranh rất gay gắt cả trong nước và nước ngoài

- ❖ Sản phẩm cung cấp cho Công ty Honda Việt Nam chiếm tỷ trọng lớn trong tổng doanh thu hàng năm của Công ty, do vậy khi chính sách mua hàng của đối tác thay đổi sẽ ảnh hưởng rất lớn đến sản xuất kinh doanh của Công ty.

9. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

9.1. Vị thế của Công ty trong ngành

Công ty định hướng phát triển sản xuất kinh doanh theo ngành công nghiệp hỗ trợ và đã tham gia chuỗi cung cấp phụ tùng xe máy cho các thương hiệu lớn như Honda, SYM, Ford Việt Nam từ những năm 1997, Toyota, LG từ những năm 2010. Đến nay, Công ty đã phát triển thêm nhiều ngành hàng như điện – điện tử, phụ tùng ô tô, các linh kiện cho ngành xây dựng, khuôn mẫu chính xác, kích thước lớn, cung cấp cho các công ty Panasonic, LG Việt Nam, Toyota Việt Nam và các tập đoàn tại Nhật Bản (Lixil Group, Housetec, Hashimoto, Shoden Corp.). Như vậy, Công ty đã tạo lập được một vị thế nhất định trong ngành công nghiệp nhựa hỗ trợ, được tổ chức xúc tiến thương mại JETRO Nhật Bản đánh giá cao. Sản phẩm nhựa kỹ thuật và khuôn mẫu phục vụ ngành nhựa của công ty nhiều năm liền được UBND Thành phố Hà Nội công nhận là sản phẩm chủ lực của thành phố. Khách hàng của công ty chiếm tới 90% là khách hàng có yếu tố nước ngoài.

9.2. Triển vọng phát triển ngành

Theo quy hoạch phát triển ngành nhựa Việt Nam đến năm 2020 tầm nhìn 2025 đã được Bộ Công Thương phê duyệt, tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất ngành công nghiệp đến năm 2020 đạt 17,5%, tỷ trọng ngành nhựa so với toàn ngành công nghiệp đến năm 2020 đạt 5,5%. Theo đó, mục tiêu phát triển ngành nhựa Việt Nam đến năm 2020 sẽ trở thành một ngành kinh tế mạnh với tốc độ tăng trưởng cao và bền vững, từng bước xây dựng và phát triển ngành nhựa đồng bộ từ sản xuất nguyên liệu đến chế biến sản phẩm cuối cùng, tận dụng và xử lý phế liệu phát sinh, tăng dần tỷ trọng nguyên liệu trong nước để trở thành ngành công nghiệp tự chủ, có khả năng hội nhập vào kinh tế khu vực và thế giới.

Ngành nhựa Việt Nam là ngành có tốc độ tăng trưởng ổn định. Trong thời gian qua, các doanh nghiệp nhựa Việt Nam đã có sự hợp tác chặt chẽ với những doanh nghiệp nhựa các nước trong khu vực Châu Á và Đông Nam Á. Đây là một trong những yếu tố quan trọng thúc đẩy ngành nhựa Việt Nam phát triển mạnh mẽ, với tốc độ tăng trưởng bình quân 15-20%/năm, đáp ứng ngày càng cao nhu cầu tiêu dùng nội địa và xuất khẩu. Thêm vào đó ngành nhựa là một trong 10 ngành Nhà nước ưu tiên phát triển do có tăng trưởng tốt và ổn định, xuất khẩu khá mạnh và sản phẩm có khả năng cạnh tranh cao. Nhà nước đã có chính sách phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ phục vụ cho ngành nhựa, định hướng đến năm 2020 nhập khẩu nguyên liệu của ngành chỉ còn khoảng 50%. Đồng thời, Chính phủ thực hiện nhiều chính sách khuyến khích để huy động các nguồn lực xã hội tham gia vào khâu sản xuất nguyên liệu cho ngành nhựa, vì

ngoài tạo ra sản phẩm tiêu dùng trực tiếp, ngành nhựa còn giữ vai trò hỗ trợ sản xuất cho các ngành khác.

9.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới

Theo đánh giá của Hiệp Hội Nhựa Việt Nam (VPA), ngành nhựa giai đoạn 2010 – 2016, là một trong những ngành công nghiệp có tăng trưởng cao nhất Việt Nam với mức tăng trưởng đạt 16% - 18%/năm. Với tốc độ phát triển nhanh, ngành nhựa được đánh giá là một ngành năng động và có nhiều triển vọng phát triển trong thời gian tới. Sự tăng trưởng có được là do thị trường rộng, ngành nhựa Việt Nam mới chỉ ở bước đầu của sự phát triển so với thế giới và sản phẩm nhựa được sử dụng hầu hết trong tất cả các lĩnh vực của đời sống bao gồm sản phẩm phụ kiện trong công nghiệp xây dựng, các chi tiết nhựa trong công nghiệp điện tử viễn thông, công nghiệp sản xuất ô tô, xe máy và các mặt hàng nhựa gia dụng.

Cùng chung triển vọng và xu thế phát triển của ngành nhựa Việt Nam, Công ty cổ phần Nhựa Hà Nội với cơ sở vật chất đã có, với kinh nghiệm nhiều năm hoạt động trong lĩnh vực ngành công nghiệp hỗ trợ, cùng với các chính sách hội nhập, khuyến khích đầu tư, tăng cường hợp tác kinh tế đối ngoại của Đảng và Nhà nước trong các năm tới, chắc chắn Công ty sẽ có những bước phát triển mạnh và vững chắc trong tương lai. Song doanh nghiệp cũng phải chuẩn bị sẵn sàng năng lực của mình để ứng phó với tình hình cạnh tranh ngày càng khốc liệt khi tham gia vào thị trường của nền kinh tế hội nhập.

10. Chính sách đối với người lao động

10.1. Số lượng và cơ cấu (theo trình độ) người lao động trong Công ty

Tổng số lao động của Công ty đến thời điểm 31/12/2017 là 1.581 người với cơ cấu như sau:

Bảng 10: Cơ cấu lao động tại thời điểm 31/12/2017

Loại lao động	Số lượng *(người)*
Phân theo giới tính	
▪ Nam	1.039
▪ Nữ	542
Phân theo trình độ học vấn	
▪ Trình độ đại học và trên đại học	146
▪ Trình độ cao đẳng và trung cấp	119
▪ Đối tượng khác	1.316
Tổng số Cán bộ công nhân viên	**1.581**

Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

10.2. Chính sách đối với người lao động

a. Chế độ làm việc:

Thời gian làm việc: Công ty thực hiện làm việc 8 giờ/ngày, 6 ngày/tuần. Khi có yêu cầu về tiến độ công việc, sản xuất, kinh doanh, Công ty có thể yêu cầu cán bộ công nhân viên làm thêm giờ và thực hiện các chế độ, quyền lợi cho người lao động theo đúng quy định của pháp luật.

Nghỉ phép, nghỉ lễ, tết: Thực hiện theo Luật lao động, nhân viên Công ty được nghỉ lễ, tết, nghỉ ốm, thai sản theo quy định của Bộ Luật lao động, cụ thể:

- Nghỉ phép năm 12 ngày đối với người làm công việc trong điều kiện bình thường.
- Số ngày nghỉ phép được tăng theo thâm niên làm việc tại Công ty, cứ đủ 05 năm được nghỉ thêm 01 ngày, có đủ 30 năm trở lên được nghỉ thêm 06 ngày.
- Nghỉ Tết dương lịch 01 ngày; nghỉ Tết âm lịch 05 ngày; nghỉ giỗ tổ Hùng Vương 01 ngày; nghỉ lễ 30/04 01 ngày; nghỉ ngày Quốc tế lao động 01 ngày; nghỉ Quốc khánh 01 ngày.

b. Điều kiện làm việc:

Văn phòng làm việc khang trang, thoáng mát, trang bị đầy đủ dụng cụ, thiết bị hỗ trợ công việc, nhà xưởng gọn sạch theo tiêu chuẩn 5S (Nhật Bản), đảm bảo ánh sáng, an toàn lao động, đầy đủ điều kiện làm việc 3 ca cho người lao động. CBCNV đi công tác xa, được hưởng phụ cấp công tác phí và thanh toán các khoản phí đi lại, ăn ở theo quy định của pháp luật.

c. Chính sách tuyển dụng, đào tạo

Công ty chia việc đào tạo CBCNV thành 04 cấp. Đào tạo tuyển dụng gồm 06 môn cơ bản trước khi phân loại lao động về các đơn vị; đào tạo tại chỗ là đào tạo trực tiếp tại hiện trường và tại vị trí làm việc, đào tạo nội bộ là các đợt đào tạo phổ biến quy định mới – chính sách mới, đào tạo bên ngoài là đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và trình độ lý luận chính trị. Ngoài ra, đối với cán bộ quản lý và cán bộ phụ trách kỹ thuật, Công ty cử tham gia các khoá học tập về chuyển giao thiết bị, công nghệ, phương thức quản lý từ khách hàng.

d. Chính sách lương và thưởng

Chế độ lương: Công ty có Hệ thống thang bảng lương riêng, được xây dựng phù hợp với Nghị định 49/2013/NĐ-CP ngày 14/05/2013 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ Luật lao động về tiền lương và lộ trình tăng lương tối thiểu vùng của Nhà Nước. Ngoài mức lương tối thiểu theo quy định của Nhà nước, Công ty còn trả lương theo công việc thực hiện, theo cấp bậc quản lý và kỹ năng làm việc, để tạo động lực thúc đẩy người lao động nâng cao hiệu quả công việc đóng góp cho Công ty.

Công ty có Quy chế trả lương và thưởng theo quy định và được rà soát điều chỉnh theo từng thời kỳ căn cứ theo hiệu quả SXKD và các quy định hiện hành.

Công ty luôn có chính sách đãi ngộ tốt đối với người lao động gắn bó lâu dài và có đóng góp tốt cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty (thưởng theo thâm niên, nâng bậc lương trước thời hạn, thưởng theo hiệu quả SXKD ...)

11. Chính sách cổ tức

11.1. Chính sách cổ tức

HĐQT có trách nhiệm xây dựng phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ để trình ĐHĐCĐ thông qua. Phương án này được xây dựng trên cơ sở lợi nhuận sau thuế mà Công ty thu được từ hoạt động kinh doanh trong năm tài chính, sau khi đã thực hiện nghĩa vụ nộp thuế và tài chính khác theo quy định của pháp luật hiện hành. Công ty cũng xét tới kế hoạch và định hướng, chiến lược đầu tư mở rộng hoạt động kinh doanh trong năm tới để đưa ra mức cổ tức hợp lý.

11.2. Tỷ lệ cổ tức ba năm gần nhất:

Bảng 11: Tỷ lệ cổ tức ba năm gần nhất (2015 – 2017)

Nội dung	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017 (*)
Tỷ lệ cổ tức	30%	30%	20%
Hình thức thanh toán	Bằng tiền	Bằng tiền	Bằng tiền

(*): Công ty đã chốt danh sách cổ đông tại ngày 24/05/2018 để thực hiện trả cổ tức năm 2017 bằng tiền với tỷ lệ 20%. Thời gian thực hiện trả cổ tức là ngày 05/06/2018.

12. Tình hình tài chính

12.1. Các chỉ tiêu cơ bản

❖ **Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh, tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh:**

- Vốn điều lệ thực góp tại ngày 31/12/2017: 65.000.000.000 đồng.
- Tổng nguồn vốn chủ sở hữu tại ngày 31/12/2017: 299.911.581.013 đồng.
- Tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn chủ sở hữu: Công ty luôn sử dụng vốn điều lệ, vốn chủ sở hữu theo đúng các quy định của pháp luật và quy định trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty

❖ **Trích khấu hao tài sản cố định:**

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc: 10 năm
- Máy móc, thiết bị: 03 – 07 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn: 05 – 07 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý: 05 năm
- Phần mềm quản lý: 03 năm

❖ **Mức lương bình quân**

Bảng 12: Mức lương bình quân

ĐVT: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017
Tiền lương bình quân (đồng/người/tháng)	8.801.893	10.734.474

Nguồn: Số liệu hợp nhất Công ty cổ phần Nhựa Hà Nội

Mức lương bình quân của CBCNV Công ty nằm ở mức có tính cạnh tranh tương đối so với mức lương bình quân của các doanh nghiệp khác cùng ngành trong cùng địa bàn.

❖ **Thanh toán các khoản nợ đến hạn**

Công ty thực hiện tốt trong việc thanh toán các khoản nợ đến hạn. Căn cứ vào Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất năm 2016 và BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2017, Công ty đã thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ, không có nợ quá hạn.

❖ **Các khoản phải nộp theo luật định**

Công ty thực hiện kê khai, nộp đầy đủ và đúng hạn các nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật. Các khoản thuế còn phải nộp cuối các năm 2016 và 2017 như sau:

Bảng 13: Các khoản phải nộp

ĐVT: Đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017	6 tháng đầu năm 2018
1	Thuế GTGT	999.353.711	-	-
2	Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	2.028.600	1.593.728	-
3	Thuế thu nhập doanh nghiệp	732.937.117	3.115.491.21	2.243.446.760
4	Thuế thu nhập cá nhân	491.192.558	199.289.053	
5	Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	
	Tổng cộng	**2.225.511.986**	**3.316.373.99**	**2.243.446.760**

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2016, 2017 và BCTC 30/06/2018

❖ **Trích lập các quỹ theo luật định**

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, việc trích lập các quỹ hàng năm căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh và do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

Bảng 14: Số dư các quỹ

ĐVT: Đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017	6 tháng đầu năm 2018
1	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	30.734.644.600	32.749.390.217	14.129.337.517
2	Quỹ đầu tư phát triển	66.969.464.692	90.417.059.302	90.417.059.302

TT	Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017	6 tháng đầu năm 2018
3	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	355.568.275	-	-
	Tổng cộng	**98.059.677.567**	**123.166.449.519**	**104.546.396.819**

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2016, 2017 và BCTC 30/06/2018

❖ **Tổng dư nợ vay**

Tình hình dư nợ vay của Công ty trong thời gian vừa qua như sau:

Bảng 15 : Tổng dư nợ vay

ĐVT: Đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017	6 tháng đầu năm 2018
1	**Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**	12.800.000.000	7.350.000.000	36.910.406.128
2	**Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**	40.100.000.000	25.800.000.000	-
	Tổng	**52.900.000.000**	**33.150.000.000**	**36.910.406.128**

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2016, 2017 và BCTC 30/06/2018

Đến thời điểm hiện tại, tất cả các khoản vay và nợ đến hạn của Công ty đều đã được thanh toán đầy đủ kịp thời, không có khoản nợ vay nào quá hạn. Các khoản nợ vay sắp đến thời hạn thanh toán đều nằm trong kế hoạch tài chính của Công ty và đã được chuẩn bị nguồn tài chính đầy đủ kịp thời.

❖ **Tình hình công nợ hiện nay**

- ***Các khoản phải thu***

Bảng 16: Chi tiết các khoản phải thu của Công ty

ĐVT: VNĐ

TT	Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017	6 tháng đầu năm 2018
I	**Các khoản phải thu ngắn hạn**	**92.831.278.219**	**98.059.216.043**	**130.561.682.260**
1	Phải thu khách hàng	91.607.005.629	97.566.331.490	124.665.409.968
2	Trả trước cho người bán	660.873.000	303.135.000	4.780.640.557
3	Các khoản phải thu khác	563.399.590	189.749.553	1.115.631.735
II	**Các khoản phải thu dài hạn**	-	-	-
Tổng cộng		**92.831.278.219**	**98.059.216.043**	**130.561.682.260**

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2016, 2017 và BCTC 30/06/2018

- ***Các khoản phải trả***

Bảng 17: Chi tiết các khoản phải trả của Công ty

ĐVT: Đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017	6 tháng đầu năm 2018
Nợ ngắn hạn		**143.897.930.870**	**123.055.893.966**	**136.773.717.300**
1	Phải trả người bán	52.730.945.434	58.761.205.234	52.633.642.881
2	Người mua trả tiền trước	859.129.199	3.128.087.565	7.355.767.509
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước	2.225.511.986	3.316.373.996	2.243.446.760
4	Phải trả người lao động	42.546.097.200	15.200.868.000	20.251.096.000
5	Chi phí phải trả	1.240.252.372	1.607.395.947	1.362.416.483
6	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	761.350.079	942.573.007	1.887.604.022
7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	12.800.000.000	7.350.000.000	36.910.406.128
8	Quỹ khen thưởng phúc lợi	30.734.644.600	32.749.390.217	14.129.337.517
Nợ dài hạn		**40.100.000.000**	**25.800.000.000**	-
1	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	40.100.000.000	25.800.000.000	-
Tổng cộng		**183.997.930.870**	**148.855.893.966**	**136.773.717.300**

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2016, 2017 và BCTC hợp nhất 30/06/2018

12.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty

Bảng 18: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2016	Năm 2017
▪ **Chỉ tiêu về khả năng thanh toán**			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/ Nợ ngắn hạn)	Lần	2,28	2,5
+ Hệ số thanh toán nhanh: (Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	1,71	1,88
▪ **Chỉ tiêu về cơ cấu vốn**			
+ Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	%	38,38	33,17
+ Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	%	62,29	49,63
▪ **Chỉ tiêu về năng lực hoạt động**			

Các chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2016	Năm 2017
+ Vòng quay hàng tồn kho: (Giá vốn hàng bán/ Hàng tồn kho bình quân)	Vòng	7,64	9,38
+ Vòng quay tổng tài sản: (Doanh thu thuần/ Tổng tài sản)	Vòng	1,89	1,98
▪ **Chỉ tiêu về khả năng sinh lời**			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	8,20	6,49
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	25,13	19,26
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	15,48	12,87
+ Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	8,88	7,76
+ Thu nhập trên cổ phần (EPS)	VNĐ/CP	11.418	8.887

Nguồn: Tính toán dựa trên BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2016, 2017

Khả năng thanh toán

Trong năm 2017, hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh tăng nhẹ so với năm 2016, đạt lần lượt là 1,71 lần và 1,88 lần do nợ ngắn hạn của Công ty tại 31/12/2017 giảm 14,48% so với 31/12/2016, và hàng tồn kho của Công ty tại 31/12/2017 giảm 7,44% so với 31/12/2016.

Cơ cấu vốn

Tại thời điểm cuối năm 2017, các khoản nợ phải trả của Công ty đã giảm so với thời điểm cuối năm 2016, điều này giúp các chỉ tiêu cơ cấu vốn của Công ty cải thiện hơn so với năm ngoái.

Năng lực hoạt động

Số dư hàng tồn kho của NHH giảm từ 82,4 tỷ đồng (tại 31/12/2016) xuống còn 76,3 tỷ đồng (tại 31/12/2017) làm gia tăng vòng quay hàng tồn kho từ 7,64 vòng lên 9,38 vòng. Vòng quay tổng tài sản tăng nhẹ so với năm 2016, do Tổng tài sản giảm nhẹ so với năm 2016.

Khả năng sinh lời

Các chỉ số khả năng sinh lời của NHH trong năm 2017 giảm so với năm 2016 do lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt 57,8 tỷ đồng, giảm 22,17% so với năm trước, chủ yếu là do giá nguyên vật liệu đầu vào và chi phí tăng so với năm 2016.

Công ty đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng mở rộng nhà máy, để đáp ứng yêu cầu tổ chức sản xuất hiện tại cũng như sự phát triển của Công ty trong tương lai. Khi đó, để tiến hành sản xuất và đảm bảo cho quá trình tái sản xuất sau khi mở rộng và phát triển nhà máy, ngoài TSCĐ như máy móc, thiết bị, nhà xưởng,... Công ty phải bỏ ra một lượng tiền nhất

định để mua sắm hàng hoá, nguyên vật liệu...phục vụ cho quá trình sản xuất. Ngoài ra, việc mở rộng sản xuất đòi hỏi Công ty phải phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm, mạng lưới khách hàng. Dẫn đến ảnh hưởng chỉ số vòng quay hàng hàng tồn kho, các chỉ tiêu về thanh toán ngắn hạn. Do vậy, việc bổ sung vốn lưu động, duy trì cơ cấu tài chính an toàn và tăng cường khả năng tự chủ về tài chính của Công ty là rất cần thiết.

13. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng

13.1. Hội đồng quản trị

Bảng 19: Danh sách Hội đồng quản trị của Công ty

TT	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	Số CMND/ Số hộ chiếu
1	Ông Phạm Quốc Trung	Chủ tịch HĐQT	1962	001062008225
2	Ông Bùi Thành Nam	Thành viên HĐQT	1962	001062002074
3	Ông Nguyễn Anh Tài	Thành viên HĐQT	1971	011419647
4	Ông Phan Tấn Bình	Thành viên HĐQT	1960	001060003291
5	Ông Nguyễn Hữu Thắng	Thành viên HĐQT	1976	011738328

13.1.1. Ông: Phạm Quốc Trung – Chủ tịch HĐQT

- Giới tính	Nam	
- Ngày sinh	19/7/1962	
- Nơi sinh	Hà Nội	
- Quốc tịch	Việt Nam	
- Dân tộc	Kinh	
- Quê quán	Xã Đào Dương – Ân Thi – Hưng Yên	
- Địa chỉ thường trú	Số 47 Lương Văn Can – P. Hàng Đào – Q. Hoàn Kiếm – Hà Nội	
- CNMD số: 00106208225	Ngày cấp: 16/6/2016	Nơi cấp: Cục ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư.
- Điện thoại liên hệ	0913210592	
- Trình độ chuyên môn	Kỹ sư hóa Polymer	
Quá trình công tác		
Thời gian *(Từ tháng năm đến tháng năm)*	**Đơn vị công tác**	**Chức vụ**

11/1987- 01/1997	Cty Nhựa Hà nội	Cán bộ kỹ thuật
02/1997- 05/2002	Cty Nhựa Hà nội	Quản đốc PX
6/2002-10/2002	Cty Nhựa Hà nội	Cán bộ quản lý dự án
11/2002-4/2004	Cty Nhựa Hà nội	Phó Giám đốc
5/2004-6/2011	Cty CP Hàm Rồng	Giám đốc
6/2011-11/2011	Cty CP Nhựa Hà nội	Phó Tổng Giám đốc
12/2011-đến nay	CtyCP Nhựa Hà nội	Chủ tịch HĐQT
12/2011-đến nay	Công ty TNHH phát triển xuất nhập khẩu và đầu tư VIEXIM	Chủ tịch HĐTV
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	Chủ tịch Hội đồng quản trị	
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác	Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH phát triển xuất nhập khẩu và đầu tư VIEXIM	
- Số cổ phần nắm giữ	2.200, cổ phần, tỷ lệ: 0,034%	
	Sở hữu cá nhân: 2.200, cổ phần, tỷ lệ: 0,034% *Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, tỷ lệ:0%*	
Những người có liên quan đang nắm giữ cổ phần		

Họ và tên	Số CMND, ngày cấp, nơi cấp	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Đặng Việt Hương	Số CMND: 010262728, cấp ngày: 25/9/2009, nơi cấp: Công An TP Hà Nội	Vợ	2.600	0,04%

- Hành vi vi phạm pháp luật	Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không
- Các khoản nợ đối với Công ty	Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không

13.1.2. Ông: Bùi Thanh Nam – Thành viên HĐQT

- Giới tính	Nam

- Ngày sinh	24/7/1962	
- Nơi sinh	Hà Nội	
- Quốc tịch	Việt Nam	
- Dân tộc	Kinh	
- Quê quán	Phường Dương Nội, quận Hà Đông, TP Hà Nội	
- Địa chỉ thường trú	Số 11, ngách 164/10 phố Hồng Mai, P.Quỳnh Lôi, Q. Hai Bà Trưng, TP Hà Nội	
- CNMD số: 001062002074	Ngày cấp:29/9/2014	Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư.
- Điện thoại liên hệ	0913276020	
- Trình độ chuyên môn	Kỹ sư máy và tự động thủy lực	

Quá trình công tác

Thời gian *(Từ tháng năm đến tháng năm)*	**Đơn vị công tác**	**Chức vụ**
4/1985 – 3/1989	Xí nghiệp Nhựa Hà Nội	Nhân viên
4/1989 – 6/1994	Phân xưởng Cơ khí, Công ty Nhựa Hà Nội	Phó quản đốc
7/1994 – 7/1995	Phân xưởng Cơ khí, công ty Nhựa Hà Nội	Quản đốc
7/1995 – 11/2000	Phòng KTCĐ, công ty Nhựa Hà Nội	Trưởng phòng
11/2000 – 9/2005	Công ty Nhựa Hà Nội	Phó giám đốc
9/2005 – 11/2008	Công ty TNHH NN 1TV Nhựa Hà Nội	Phó TGĐ
11/2008 – nay	Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội	Thành viên HĐQT, TGĐ
12/2010 - nay	Công ty TNHH phát triển XNK và đầu tư VIEXIM	Thành viên Hội đồng thành viên
1993 – 5/2000	ĐTNCS Hồ Chí Minh công ty	Bí thư
4/2002 – 10/2010	Đảng ủy công ty Nhựa Hà Nội	ĐUV, bí thư chi bộ KT
6/2010 – nay	Đảng ủy công ty CP Nhựa Hà Nội	Bí thư
11/2015 – nay	Đảng ủy Khối Doanh nghiệp Hà Nội	UVBCH

- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	- Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc. - Ủy viên BCH Đảng ủy khối Doanh nghiệp
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác	Thành viên Hội đồng thành viên Công ty TNHH phát triển xuất nhập khẩu và đầu tư VIEXIM
- Số cổ phần nắm giữ	18.000, cổ phần, tỷ lệ: 0,277%
	Sở hữu cá nhân: 18.000, cổ phần, tỷ lệ:0,277% *Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, tỷ lệ:0.%*
- Những người có liên quan đang nắm giữ cổ phần	Không
- Hành vi vi phạm pháp luật	Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không
- Các khoản nợ đối với Công ty	Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không

13.1.3. Ông Nguyễn Anh Tài – Thành viên HĐQT

- Giới tính	Nam	
- Ngày sinh	12/3/1971	
- Nơi sinh	Hà Nội	
- Quốc tịch	Việt Nam	
- Dân tộc	Kinh	
- Quê quán	An Tường – Yên Sơn – Tuyên Quang	
- Địa chỉ thường trú	34B hẻm 6/12/6 phố Đội Nhân, phường Vĩnh Phúc. Quận Ba Đình, TP Hà Nội.	
- CMND số: 011419647	Ngày cấp: 08/6/2011	Nơi cấp: Công An TP Hà Nội
- Điện thoại liên hệ	0913564203	
- Trình độ chuyên môn	Cử nhân thiết bị điện – điện tử	
Quá trình công tác		

Thời gian *(Từ tháng năm đến tháng năm)*	**Đơn vị công tác**	**Chức vụ**
1995 -1997	Công ty xây dựng Shinryo (Nhật Bản)	Trưởng phòng cơ điện
1997-1999	Công ty xây dựng và kỹ thuật cơ điện SAMSUNG (Hàn Quốc)	Quản lý công trường
1999-2008	Công ty TNHH 3H VINACOM (Hàn Quốc)	Giám đốc kinh doanh
2008- Nay	Công ty TNHH VINACOMPOUND	Giám đốc
2014 - Nay	Công ty TNHH VINACOMPOUND Hưng Yên	Tổng giám đốc
4/2018 - Nay	Công ty CP Nhựa Hà Nội	Thành viên HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	Thành viên Hội đồng quản trị	
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác	- Giám đốc Công ty TNHH VINACOMPOUND - Tổng giám đốc Công ty TNHH VINACOMPOUND Hưng Yên	
- Số cổ phần nắm giữ	320.000 cổ phần, tỷ lệ: 4,92%	
	✓ *Sở hữu cá nhân: 320.000 cổ phần, tỷ lệ: 4,92%* ✓ *Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, tỷ lệ: 0%*	
- Những người có liên quan đang nắm giữ cổ phần	Không	
- Hành vi vi phạm pháp luật	Không	
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không	
- Các khoản nợ đối với Công ty	Không	
- Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không	

13.1.4. Ông Phan Tấn Bình – Thành viên HĐQT

- Giới tính	Nam

- Ngày sinh	11/5/1960	
- Nơi sinh	Hà Nội	
- Quốc tịch	Việt Nam	
- Dân tộc	Kinh	
- Quê quán	Đà Nẵng	
- Địa chỉ thường trú	Đông Anh – Hà Nội	
- CMND số: 001060003291	Ngày cấp: 12/3/2015	Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
- Điện thoại liên hệ	0903430141	
- Trình độ chuyên môn	Kỹ sư cơ khí	

Quá trình công tác

Thời gian *(Từ tháng năm đến tháng năm)*	**Đơn vị công tác**	**Chức vụ**
1980 - 1985	Công ty Xích líp Đông Anh	Nhân viên kỹ thuật
1985 - 1990	Công ty Xích líp Đông Anh	Phó phòng kỹ thuật
1990 - 1992	Công ty Xích líp Đông Anh	Quản đốc phân xưởng
1992 - 1996	Công ty Xích líp Đông Anh	Phó giám đốc
1996 - 2018	Công ty CP Xích líp Đông Anh	Chủ tịch Hội đồng quản trị - Tổng giám đốc.
4/2018 - Nay	Công ty CP Nhựa Hà Nội	Thành viên HĐQT

- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	Thành viên Hội đồng quản trị
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác	Chủ tịch Hội đồng quản trị - Tổng giám đốc Công ty cổ phần xích líp Đông Anh.
- Số cổ phần nắm giữ	0 cổ phần, tỷ lệ: 0%
	Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, tỷ lệ: 0% *Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, tỷ lệ: 0%*
- Những người có liên quan	Không

đang nắm giữ cổ phần	
- Hành vi vi phạm pháp luật	Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không
- Các khoản nợ đối với Công ty	Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không

13.1.5. Ông Nguyễn Hữu Thắng – Thành viên HĐQT

- Giới tính	Nam	
- Ngày sinh	14/01/1976	
- Nơi sinh	Thái Bình	
- Quốc tịch	Việt Nam	
- Dân tộc	Kinh	
- Quê quán	Thống Nhất – Hưng Hà – Thái Bình	
- Địa chỉ thường trú	Khu tập thể T262, cục Vũ Khí, Phúc Diễn	
- CMND số: 011738328	Ngày cấp: 10/11/2006	Nơi cấp: Công an TP Hà Nội
- Điện thoại liên hệ	0913836898	
- Trình độ chuyên môn	Kỹ sư động lực	
Quá trình công tác		
Thời gian *(Từ tháng năm đến tháng năm)*	**Đơn vị công tác**	**Chức vụ**
Từ 7/1997 – 5/2015	Công ty Honda Việt Nam	Trưởng phòng cung ứng
Từ 4/2016 - Nay	Công ty cổ phần cơ điện miền Trung	Chủ tịch HĐQT
Từ 4/2018 - Nay	Công ty cổ phần Nhựa Hà Nội	Thành viên HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	Thành viên Hội đồng quản trị	

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác	Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần cơ điện miền Trung
- Số cổ phần nắm giữ	0 cổ phần, tỷ lệ: 0%
	Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, tỷ lệ: 0% *Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, tỷ lệ: 0%*
- Những người có liên quan đang nắm giữ cổ phần	Không
- Hành vi vi phạm pháp luật	Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không
- Các khoản nợ đối với Công ty	Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không

13.2. Ban Kiểm soát

Bảng 20: Danh sách thành viên Ban Kiểm soát

TT	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	Số CMND
1	Bà Dương Liễu Mai Khanh	Trưởng Ban Kiểm soát	1974	022832641
2	Bà Nguyễn Thị Nguyệt	Thành viên Ban Kiểm soát	1990	125364059
3	Bà Chữ Thị Khuê	Thành viên Ban Kiểm soát	1987	001187016005

13.2.1. Bà: Dương Liễu Mai Khanh – Trưởng Ban Kiểm soát

- Giới tính	Nữ
- Ngày sinh	05/6/1974
- Nơi sinh	Sài gòn
- Quốc tịch	Việt Nam
- Dân tộc	Kinh

- Quê quán	Tiền Giang	
- Địa chỉ thường trú	782/8 Trường Sa, phường 14 quận 3, TP Hồ Chí Minh	
- CNMD số 022832641	Ngày cấp: 04/5/2010	Nơi cấp: Công an TP Hồ Chí Minh
- Điện thoại liên hệ	0918265123	
- Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ Kế toán kiểm toán	
Quá trình công tác		
Thời gian *(Từ tháng năm đến tháng năm)*	**Đơn vị công tác**	**Chức vụ**
8/1996 – 8/2001	XN Khí cụ điện 2 (trực thuộc Công ty CADIVI)	Nhân viên kế toán
9/2001 – 2/2003	XN Thành Mỹ (trực thuộc Công ty CADIVI)	Phó phòng phụ trách P.KTTC
3/2003 – 5/2009	Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam (CADIVI)	Phó phòng P.TCKT
6/2009 – 10/2016	Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam (CADIVI)	Giám đốc tài chính
5/2013 – nay	Công ty TNHH MTV CADIVI Đồng Nai	Thành viên HĐTV
6/2016 – nay	Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	Kiểm soát viên
11/2016 – nay	Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam (CADIVI)	GĐTC kiêm KTT
4/2018 – nay	Công ty CP Nhựa Hà Nội	Trưởng ban kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	Trưởng ban kiểm soát	
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác	- GĐTC kiêm KTT Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam (CADIVI) - Thành viên HĐTV Công ty TNHH MTV CADIVI Đồng Nai - Kiểm soát viên Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	
- Số cổ phần nắm giữ	0 cổ phần, tỷ lệ: 0%	

	Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, tỷ lệ: 0% *Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, tỷ lệ: 0%*
- Những người có liên quan đang nắm giữ cổ phần	Không
- Hành vi vi phạm pháp luật	Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không
- Các khoản nợ đối với Công ty	Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không

13.2.2. Bà: Nguyễn Thị Nguyệt – Thành viên BKS

- Giới tính	Nữ	
- Ngày sinh	05/05/1990	
- Nơi sinh	Bắc Ninh	
- Quốc tịch	Việt Nam	
- Dân tộc	Kinh	
- Quê quán	Bắc Ninh	
- Địa chỉ thường trú	Ngõ 47/41 Nam Dư – Hoàng Mai – Hà Nội	
- CMND số 125364059	Ngày cấp: 21/6/2006	Nơi cấp: Công an Bắc Ninh
- Điện thoại liên hệ	0973446849	
- Trình độ chuyên môn	Cử nhân kế toán	
Quá trình công tác		
Thời gian *(Từ tháng năm đến tháng năm)*	**Đơn vị công tác**	**Chức vụ**
Từ 2012 đến 7/2014	Công ty cổ phần Đáp Cầu – Yên Phong	Kế toán viên
Từ 7/2014 - Nay	Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện	Chuyên viên kế toán

	Việt Nam	
Từ 4/2018 - Nay	Công ty CP Nhựa Hà Nội	Thành viên BKS
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	Thành viên Ban Kiểm soát	
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác	Không	
- Số cổ phần nắm giữ	0 cổ phần, tỷ lệ: 0%	
	Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, tỷ lệ: 0% *Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, tỷ lệ: 0%*	
- Những người có liên quan đang nắm giữ cổ phần	Không	
- Hành vi vi phạm pháp luật	Không	
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không	
- Các khoản nợ đối với Công ty	Không	
- Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không	

13.2.3. Bà: Chử Thị Khuê – Thành viên BKS

- Giới tính	Nữ	
- Ngày sinh	09/01/1987	
- Nơi sinh	Hà Nội	
- Quốc tịch	Việt Nam	
- Dân tộc	Kinh	
- Quê quán	Văn Đức – Gia Lâm – Hà Nội	
- Địa chỉ thường trú	Văn Đức – Gia Lâm – Hà Nội	
- CMND số 001187016005	Ngày cấp: 05/7/2017	Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
- Điện thoại liên hệ	0963581926	
- Trình độ chuyên môn	Cử nhân quản trị kinh doanh	

Quá trình công tác		
Thời gian *(Từ tháng năm đến tháng năm)*	**Đơn vị công tác**	**Chức vụ**
01/2012 - Nay	Công ty CP Nhựa Hà Nội	Nhân viên phòng Tổ chức hành chính
4/2018 - Nay	Công ty CP Nhựa Hà Nội	Thành viên Ban Kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	Thành viên Ban Kiểm soát	
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác	Không	
- Số cổ phần nắm giữ	0 cổ phần, tỷ lệ: 0%	
	Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, tỷ lệ: 0% *Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, tỷ lệ: 0.%*	
- Những người có liên quan đang nắm giữ cổ phần	Không	
- Hành vi vi phạm pháp luật	Không	
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không	
- Các khoản nợ đối với Công ty	Không	
- Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không	

13.3. Ban Tổng Giám đốc

Bảng 21: Danh sách thành viên Ban Tổng Giám đốc

TT	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	Số CMND
1	Ông Bùi Thanh Nam	Tổng Giám đốc	1962	001062002074
2	Bà Phạm Thị Thanh Hiền	Phó Tổng Giám đốc	1965	011141796

13.2.1. Ông: Bùi Thanh Nam – Tổng Giám đốc (như trên)

13.3.2. Bà: Phạm Thị Thanh Hiền – Phó Tổng Giám đốc

- Giới tính	Nữ	
- Ngày sinh	12/10/1965	
- Nơi sinh	Thái Bình	
- Quốc tịch	Việt Nam	
- Dân tộc	Kinh	
- Quê quán	Xã Lô Giang – Huyện Đông Hưng – Tỉnh Thái Bình	
- Địa chỉ thường trú	33B, phố Phạm Ngũ Lão, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	
- CMND số 011141796	Ngày cấp: 04/12/2010	Nơi cấp: Công an TP Hà Nội
- Điện thoại liên hệ	0913270816	
- Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế chuyên ngành quản lý kinh tế công nghiệp	

Quá trình công tác

Thời gian *(Từ tháng năm đến tháng năm)*	**Đơn vị công tác**	**Chức vụ**
2/1987 – 1/1994	Công ty Nhựa Hà Nội	Nhân viên phòng Kế hoạch sản xuất
2/1994 – 4/2001	Công ty Nhựa Hà Nội	Phó phòng Kế hoạch sản xuất
5/2001 – 7/2006	Công ty Nhựa Hà Nội	Trưởng phòng Kế hoạch sản xuất
8/2006 – 10/2008	Công ty TNHH nhà nước một thành viên Nhựa Hà Nội	Phó tổng giám đốc
11/2008 – 4/2018	Công ty cổ phần Nhựa Hà Nội	Thành viên HĐQT, Phó tổng giám đốc
5/2018 - Nay	Công ty cổ phần Nhựa Hà Nội	Phó tổng giám đốc
12/2010 – 01/2011	Công ty TNHH Phát triển xuất nhập khẩu và đầu tư VIEXIM	Thành viên HĐTV
01/2011 – Nay	Công ty TNHH Phát triển xuất	Thành viên HĐTV, Giám

	nhập khẩu và đầu tư VIEXIM	đốc
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	Phó tổng giám đốc	
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác	Thành viên HĐTV, Giám đốc Công ty TNHH Phát triển xuất nhập khẩu và đầu tư VIEXIM	
- Số cổ phần nắm giữ	100 cổ phần, tỷ lệ: 0,0015%	
	Sở hữu cá nhân: 100 cổ phần, tỷ lệ: 0,0015% *Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, tỷ lệ: 0%*	
- Những người có liên quan đang nắm giữ cổ phần		

Họ và tên	Số CMND, ngày cấp, nơi cấp	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Nguyễn Hạnh Dung	Số CMND: 012691599, cấp ngày: 17/5/2004, nơi cấp: Công An TP Hà Nội	con	100	0,0015%

- Hành vi vi phạm pháp luật	Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không
- Các khoản nợ đối với Công ty	Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không

13.4. Kế toán trưởng

13.4.1. Bà Đỗ Thị Hương Giang: Kế toán trưởng

- Giới tính	Nữ
- Ngày sinh	03/4/1975
- Nơi sinh	Hà Nội
- Quốc tịch	Việt Nam
- Dân tộc	Kinh
- Quê quán	Phường Xuân Đỉnh – quận Bắc Từ Liêm – TP Hà Nội
- Địa chỉ thường trú	SN 11 ngõ 323/83 Tổ dân phố Xuân Nhang 2 – phường Xuân

	Đỉnh – quận Bắc Từ Liêm – TP Hà Nội	
- CMND số 001175012660	Ngày cấp: 10/02/2017	Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
- Điện thoại liên hệ	0912598969	
- Trình độ chuyên môn	Cử nhân chuyên ngành Kế toán	
Quá trình công tác		
Thời gian *(Từ tháng năm đến tháng năm)*	**Đơn vị công tác**	**Chức vụ**
		Chính quyền
01/1994 – 1/2000	Công ty Nhựa Hà Nội	Nhân viên Kế toán
02/2000 – 2/2003	Công ty Nhựa Hà Nội	Phó phòng Tài vụ
3/2003 – 6/2003	Công ty Nhựa Hà Nội	Quyền trưởng phòng Tài vụ
7/2003 – 6/2006	Công ty Nhựa Hà Nội	Trưởng phòng Tài vụ
7/2006 – 10/2008	Công ty TNHH NN MTV Nhựa Hà Nội	Kế toán trưởng
11/2008 – 4/2018	Công ty CP Nhựa Hà Nội	Thành viên HĐQT – Kế toán trưởng
5/2018 - Nay	Công ty CP Nhựa Hà Nội	Kế toán trưởng
5/2004 – 4/2011	Công ty CP Hàm Rồng	Trưởng Ban Kiểm soát
12/2010 - Nay	Công ty TNHH phát triển XNK và đầu tư VIEXIM	Thành viên HĐTV
		Tổ chức Đoàn TN
1/2000 - 2009	Đoàn TNCS HCM Công ty CP Nhựa Hà Nội	Bí thư
		Tổ chức công đoàn
7/2000 -9/2009	Công đoàn Công ty Nhựa Hà Nội	Ủy viên BCH Công đoàn
10/2009 – 8/2017	Công đoàn Công ty Nhựa Hà Nội	Phó chủ tịch Công đoàn
9/2017 – Nay	Công đoàn Công ty Nhựa Hà Nội	Chủ tịch Công đoàn
12/2017 - Nay	Công đoàn ngành Công Thương Hà Nội	Ủy viên BCH Công đoàn

		Tổ chức Đảng
8/2005 – 4/2015	Đảng bộ Công ty CP Nhựa Hà Nội	Ủy viên BCH Đảng ủy
4/2015 - Nay	Đảng bộ Công ty CP Nhựa Hà Nội	Ủy viên BCH Đảng ủy - Bí thư chi bộ Nghiệp vụ
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	Kế toán trưởng	
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác	- Thành viên HĐTV Công ty TNHH phát triển XNK và đầu tư VIEXIM - Ủy viên BCH Công đoàn ngành Công Thương Hà Nội	
- Số cổ phần nắm giữ	1.100 cổ phần, tỷ lệ: 0,017%	
	Sở hữu cá nhân: 1.100 cổ phần, tỷ lệ: 0,017% *Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, tỷ lệ: 0.%*	
- Những người có liên quan đang nắm giữ cổ phần	Không	
- Hành vi vi phạm pháp luật	Không	
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không	
- Các khoản nợ đối với Công ty	Không	
- Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không	

14. Tài sản

Bảng 22: Tài sản cố định của Công ty tại 31/12/2016

ĐVT: VNĐ

TT	Chỉ tiêu	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
I	**Tài sản cố định hữu hình**	**496.051.211.392**	**362.185.953.845**	**133.865.257.547**
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	109.998.596.378	75.152.617.745	34.845.978.633
2	Máy móc, thiết bị	354.633.666.972	264.579.093.356	90.054.573.616

TT	Chỉ tiêu	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	26.775.196.218	20.697.759.840	6.077.436.378
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	4.643.751.824	1.756.482.904	2.887.268.920
II	**Tài sản cố định vô hình**	**2.017.059.046**	**2.017.059.046**	**-**
1	Phần mềm máy tính	2.017.059.046	2.017.059.046	-
Tổng cộng		**498.068.270.438**	**364.203.012.891**	**133.865.257.547**

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2016 của Công ty

Bảng 23: Tài sản cố định của Công ty tại ngày 31/12/2017

TT	Chỉ tiêu	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
I	**Tài sản cố định hữu hình**	**550.641.479.496**	**423.897.235.245**	**126.744.244.251**
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	110.698.258.756	82.869.445.424	27.828.813.332
2	Máy móc, thiết bị	407.708.067.980	314.188.028.930	93.520.039.050
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	27.370.059.118	23.830.160.304	3.539.898.814
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	4.865.093.642	3.009.600.587	1.855.493.055
II	**Tài sản cố định vô hình**	**2.017.059.046**	**2.017.059.046**	**-**
1	Phần mềm máy tính	2.017.059.046	2.017.059.046	-
Tổng cộng		**552.658.538.542**	**425.914.294.291**	**126.744.244.251**

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2017 của Công ty

15. Tình hình quản lý và sử dụng đất tại Công ty

TT	Diễn giải	Diện tích sử dụng (m2)	Công trình trên đất	Mục đích sử dụng	Hình thức sử dụng	Thời hạn thuê	Ghi chú
1	Tổ 19 phường Phúc Lợi, quận Long Biên,	19.880	Nhà xưởng công nghiệp	Để xây dựng nhà xưởng	Thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm theo Hợp đồng thuê đất số:	45 năm Kể từ ngày 10/5/2002 đến ngày 10/5/2047	Công ty đã nộp tiền một lần cho toàn bộ thời hạn thuê 45 năm, tuy nhiên khi xác định GTDN để CPH thì tiền thuê đất của thời gian sử dụng còn lại, đã

	thành phố Hà Nội				192/HĐTĐ ký ngày 28/6/2010 ký giữa UBND TP Hà Nội và Công ty CP Nhựa Hà Nội		được xác định tăng thêm 11,39 tỷ đồng. Công ty thực hiện phân bổ kinh phí trên cho thời gian sử dụng còn lại vào chi phí SXKD hàng năm.
		3.246	Đường giao thông nội bộ	Mở đường theo quy hoạch		Hàng năm	
2	Thôn Hảo, xã Liêu Xá, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên	23.089	Nhà máy sản xuất nhựa cao cấp	Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh	Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm theo Hợp đồng số 70/HĐ-TĐ ngày 03/7/2012 ký giữa UBND Tỉnh Hưng Yên và Công ty TNHH phát triển XNK và đầu tư VIEXIM (công ty con)	Từ ngày 28/5/2004 đến ngày 28/01/2053	

16. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

16.1. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

Bảng 24: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2018

17. ĐVT: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2017	Kế hoạch 2018	% tăng giảm so với 2017
1	Vốn chủ sở hữu	299.912	442.584	+47,57%
2	Doanh thu thuần	889.904	907.000	+1,92%

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2017	Kế hoạch 2018	% tăng giảm so với 2017
3	Lợi nhuận sau thuế	57.765	42.720	-26,04%
4	Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần(%)	6,49	4, 71	-27,43%
5	Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Vốn Chủ sở hữu (%)	19,26	9,65	-49,90
6	Cổ tức (%)	20	20	

** Ghi chú: Doanh thu thuần là doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ trừ các khoản giảm trừ doanh thu (nếu có)*

16.2. Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2018

16.2.1. Các hợp đồng/dự án lớn đã ký kết hoặc dự kiến sẽ triển khai góp phần mang lại doanh thu, lợi nhuận cho năm 2018

Bảng 25: Danh mục hợp đồng/dự án đóng góp vào kế hoạch 2018

TT	Tên hợp đồng	Trị giá (Triệu đồng)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Sản phẩm	Đối tác trong hợp đồng
1	Hợp đồng nguyên tắc	584.070	16/06/2009	01 năm và tự động gia hạn nếu không có yêu cầu từ các bên	Phụ tùng ô tô, xe máy	Công ty Honda Việt Nam
2	Hợp đồng nguyên tắc	54.096	01/4/2014	01 năm và tự động gia hạn nếu không có yêu cầu từ các bên	Phụ tùng xe máy	Công ty TNHH Piaggio Việt Nam
3	Hợp đồng nguyên tắc	21.646	10/3/2015	01 năm và tự động gia hạn nếu không có yêu cầu từ các bên	Phụ tùng máy văn phòng	Công ty TNHH Panasonic Appliances tại Thăng Long
4	Hợp đồng nguyên tắc	7.935	01/4/2016	01 năm và tự động gia hạn nếu không có yêu cầu từ các bên	Linh kiện máy giặt	Công ty TNHH Panasonic Appliances tại Hưng Yên

TT	Tên hợp đồng	Trị giá (Triệu đồng)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Sản phẩm	Đối tác trong hợp đồng
5	Hợp đồng nguyên tắc	19.031	01/4/2012	01 năm và tự động gia hạn nếu không có yêu cầu từ các bên	Khuôn và Phụ tùng ô tô	Công ty ô tô TOYOTA Việt Nam
6	Hợp đồng nguyên tắc	20.148	01/01/2017	01 năm và tự động gia hạn nếu không có yêu cầu từ các bên	Phụ tùng xe máy	Nhà máy sx phụ tùng và lắp ráp xe máy – Công ty VMEP
7	Hợp đồng nguyên tắc	63.920	22/8/2006	01 năm và tự động gia hạn nếu không có yêu cầu từ các bên	Phụ tùng xe máy	Công ty phụ tùng xe máy ô tô Goshi Thăng Long
8	Hợp đồng nguyên tắc	11.213	10/07/2010	01 năm và tự động gia hạn nếu không có yêu cầu từ các bên	Phụ tùng xe máy	Công ty Honda Lock
9	Hợp đồng mua bán	18,02 tỷ	Tháng 5/2018	Tháng 10/2018	Khuôn Phụ tùng xe máy	Công ty Vinfast
10	Hợp đồng khung mua bán hàng hóa	-	Tháng 5/2018	01 năm	Phụ tùng xe máy	Công ty Vinfast
11	Hợp đồng mua bán tổng thể	64.541	1/1/2018	01 năm	Linh kiện máy giặt	Công ty LGE, Severone, Dongjin
12	Hợp đồng mua bán	26.068	Hàng tháng	Theo từng đơn hàng cụ thể	Phụ kiện đường ống, phụ kiện bồn tắm, thiết bị điện	Xuất khẩu đi Nhật cho cty Sanko, Shoden

Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

16.2.2. Cơ sở để đạt được kế hoạch nêu trên

- Căn cứ xây dựng kế hoạch năm 2018:

+ Theo dự báo năm 2018, kinh tế trong nước vẫn rất nhiều biến động khó lường bởi ảnh hưởng của tình hình kinh tế-chính trị thế giới, tỷ giá ngoại tệ biến động, giá nguyên liệu đang có xu hướng tăng cao, cạnh tranh ngày càng gay gắt giữa các doanh nghiệp cùng ngành nghề, nên việc phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp sẽ gặp rất

nhiều khó khăn. Mặt khác, như trên đã nêu xu hướng các công ty nước ngoài đầu tư vào Việt nam đều áp dụng chính sách chỉ định và kiểm soát giá mua nguyên liệu đầu vào, chỉ cho phép nhà cung cấp áp dụng tỷ lệ quản lý và lợi nhuận theo một tỷ lệ ấn định thấp.

+ Ngoài ảnh hưởng khó khăn chung như vậy, công ty còn bị ảnh hưởng kép vì đã và đang cung cấp cho Honda Việt Nam rất nhiều linh kiện từ ngày đầu, khuôn đã cũ, chi phí gia công đã cải tiến tiết giảm nhiều lần theo chính sách giảm giá hàng năm, yếu tố này ảnh hưởng đến lợi nhuận các năm tới rất lớn.

+ Thêm nữa, một số máy móc thiết bị của công ty đã cũ nên không đáp ứng được yêu cầu của sản xuất các sản phẩm chất lượng cao, Công ty đã phải từng bước đầu tư thay thế thiết bị mới của Nhật Bản bằng vốn vay ngân hàng do vậy chi phí lãi vay và chi phí khấu hao tài sản tăng, các yếu tố chi phí đầu vào khác như điện nước, mức lương tối thiểu của nhà nước tăng, ngoài ra theo lộ trình Luật bảo hiểm xã hội thì mức lương đóng bảo hiểm bắt đầu từ năm 2018 sẽ theo thu nhập thực tế, do vậy dẫn đến chi phí trích nộp 3 quỹ bảo hiểm tăng cao, chi phí vận tải tăng do mặt bằng chật.

+ Từ năm 2018 Công ty thay đổi phương thức phân phối lợi nhuận: Hạn chế trích lập quỹ khen thưởng, chuyển các khoản chi thưởng cho người lao động sang nguồn chi phí trước thuế, do vậy lợi nhuận sẽ giảm đi tương ứng.

+ Ngoài ra quỹ tiền lương năm 2018 tăng lên để đảm bảo thu nhập cho người lao động theo mặt bằng chung của khu vực.

+ Công ty đã đề ra nhiều giải pháp cải tiến công đoạn để tăng năng suất lao động góp phần tiết giảm chi phí.

+ Tiên lượng trước tình hình và xu hướng phát triển của sản phẩm phụ tùng xe máy (PTXM) sẽ giảm sút, Ban lãnh đạo Công ty cũng đã nỗ lực tìm kiếm thêm khách hàng và phát triển sản phẩm mới: Sẵn sàng năng lực để cung cấp trở lại cho LGE, chuẩn bị năng lực cho sản xuất phụ tùng ô tô. Tuy nhiên, thị trường ngày càng cạnh tranh gay gắt không chỉ trong nước mà còn cạnh tranh với giá cả của các công ty tại Trung Quốc, Indonesia, trong khi họ có nhiều lợi thế khách quan hơn các doanh nghiệp trong nước và việc phát triển sản phẩm mới cũng phải mất nhiều thời gian, không thể ngay một sớm một chiều tăng được tỷ trọng cơ cấu sản phẩm khác bù đắp tương ứng cho ngành PTXM như hiện nay.

- Một số kết quả HĐ SXKD 6 tháng đầu năm 2018:

ĐVT: Đồng

STT	Chỉ tiêu	TH 6 tháng đầu năm 2018	% so với KH 2018
1	Doanh thu thuần	475.444.964.439	52,42%
2	Lợi nhuận sau thuế TNDN	23.127.181.812	54,14%

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất 30/06/2018 của Công ty

17. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Với tư cách là tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, Công ty Cổ phần Chứng khoán IB đã tiến hành thu thập các thông tin, nghiên cứu, phân tích và đánh giá một cách cẩn trọng và hợp lý về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội. Căn cứ trên năng lực hiện tại và triển vọng phát triển trong tương lai, nếu không có những biến động bất thường gây ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp, thì kế hoạch lợi nhuận mà Công ty đã đề ra trong năm tới là phù hợp và khả thi, kế hoạch trả cổ tức cho cổ đông của Công ty có thể được thực hiện.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

18. Thời hạn dự kiến đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường có tổ chức

Cổ phiếu Công ty cổ phần Nhựa Hà Nội có mã chứng khoán là NHH đã đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch cho chứng khoán chưa niêm yết (hệ thống giao dịch Upcom). Đối với số lượng cổ phiếu phát hành thêm trong đợt phát hành này, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã thông qua việc đăng ký, lưu ký bổ sung tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch bổ sung trên hệ thống giao dịch cho chứng khoán chưa niêm yết. Ngay sau khi hoàn tất đợt phát hành, Công ty sẽ tiến hành các thủ tục đăng ký, lưu ký bổ sung và đăng ký giao dịch bổ sung. Thời gian thực hiện việc đăng ký lưu ký bổ sung và đăng ký giao dịch bổ sung cổ phiếu dự kiến là 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày hoàn thành đợt phát hành.

19. Thông tin về những cam kết chưa thực hiện của tổ chức phát hành

Không có

20. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu chào bán

Không có

V. CỔ PHIẾU PHÁT HÀNH

1. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông

2. Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu

3. Tổng số cổ phiếu dự kiến phát hành:

3.1. Tổng số cổ phiếu dự kiến phát hành: 10.300.000 cổ phiếu

Trong đó:

- Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu cho các cổ đông hiện hữu: 6.500.000 cổ phiếu.
- Chào bán cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua: 3.800.000 cổ phiếu

3.2. Đối tượng phát hành:

- Cổ đông hiện hữu: Là các cổ đông có tên trong danh sách cổ đông do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam chốt tại ngày đăng ký cuối cùng để phân bổ quyền.

4. Giá chào bán dự kiến:

- Giá chào bán cho cổ đông hiện hữu: 30.000 đồng/cổ phiếu

5. Phương pháp tính giá:

- Tại thời điểm xây dựng phương án tăng vốn, phương pháp tính giá chào bán được xác định như sau:

- Giá thị trường của cổ phiếu vào thời điểm tính toán là 80.000 đồng/cổ phiếu, trong khi giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2017 căn cứ trên Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty là 45.319 đồng/cổ phiếu
- Giá chào bán cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu của Công ty là 30.000 đồng/cổ phiếu, được xác định dựa trên nguyên tắc so sánh với giá cổ phiếu sẽ bị pha loãng sau khi thực hiện tăng vốn (giá pha loãng ước khoảng 37.738 đồng theo công thức tính ở phần đánh giá mức độ pha loãng trong phương án này), đồng thời có chiết khấu xuống khoảng 20% để khuyến khích cổ đông gắn bó và đóng góp cho sự phát triển của Công ty. Tại Nghị quyết số 42/2018 ngày 23/04/2018, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty đã thông qua việc triển khai phương án chào bán cổ phiếu để tăng vốn điều lệ cho cổ đông hiện hữu với mức giá chào bán là 30.000 đồng/cổ phiếu.

- Như vậy, giá chào bán thấp hơn khoảng 20% so với giá pha loãng (37.738 đồng), thấp hơn khoảng 62,5% so với giá thị trường tại thời điểm tính toán phương án (80.000 đồng) và thấp hơn khoảng 33,8% so với giá trị sổ sách tại 31/12/2017 (45.319 đồng).

6. Phương thức phân phối

❖ Phát hành thêm 6.500.000 cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ thực hiện quyền là 1:1, cụ thể như sau:

- Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ được nhận 01 cổ phiếu mới. Do phát hành cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1:1 nên sẽ không phát sinh cổ phiếu lẻ cần xử lý. Ví dụ: Vào ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông Nguyễn Văn A đang sở hữu 568 cổ phiếu. Khi đó, cổ đông A sẽ được nhận (568:1)x1=568 cổ phiếu mới.
- Quyền nhận cổ phiếu không được phép chuyển nhượng.
- Đặc điểm cổ phiếu được chia: Cổ phiếu phổ thông, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu và là cổ phiếu được thanh toán đầy đủ tiền mua và không bị hạn chế chuyển nhượng.
- Nguồn vốn thực hiện: Lấy từ nguồn Quỹ đầu tư phát triển trên Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty cổ phần Nhựa Hà Nội tại ngày 31/12/2017. Theo đó số tiền cần để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu dự kiến là 65 tỷ đồng, trong khi đó Quỹ đầu tư phát triển trên BCTC công ty mẹ tại ngày 31/12/2017 là 80.598.936.874

đồng. Như vậy, Công ty có đủ nguồn để thực hiện việc tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.

❖ Chào bán cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua với tỷ lệ thực hiện quyền 65:38, cụ thể như sau:

- Cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu tại ngày hưởng quyền sẽ được 01 quyền mua, 65 quyền mua sẽ được mua 38 cổ phiếu mới chào bán thêm theo nguyên tắc làm tròn xuống đến hàng đơn vị.

  Ví dụ: *Vào ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu mới chào bán thêm, cổ đông Nguyễn Văn A đang sở hữu 584 cổ phiếu. Khi đó, cổ đông A sẽ được mua số cổ phiếu mới chào bán thêm tương ứng là (584:65) x 38 = 332,06 cổ phiếu, làm tròn xuống còn 332 cổ phiếu.*
- Trường hợp cổ đông đã lưu ký, Công ty sẽ phối hợp với Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) phân phối và thông báo quyền mua cho các cổ đông thông qua các công ty chứng khoán - thành viên lưu ký của VSD.
- Trường hợp cổ đông chưa lưu ký, Công ty sẽ thông báo và phân bổ quyền mua trực tiếp đến từng cổ đông.
- Cổ đông sở hữu quyền mua cổ phiếu có thể chuyển nhượng quyền mua của mình cho người khác trong thời gian quy định trong thông báo phát hành gửi đến các cổ đông hiện hữu và chỉ chuyển nhượng 01 (một) lần, người nhận chuyển nhượng quyền mua không được chuyển nhượng tiếp cho bên thứ ba.
- Bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng tự thỏa thuận giá chuyển nhượng quyền mua và tự thanh toán tiền chuyển nhượng.

7. Thời gian phân phối cổ phiếu

Thời gian chào bán và phân phối cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu dự kiến sẽ được thực hiện trong vòng 90 ngày kể từ ngày được Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán.

Thời gian cụ thể sẽ được nêu chi tiết trên Thông báo phát hành chứng khoán khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

Bảng 27: Thời gian phân phối cổ phiếu dự kiến cho cổ đông hiện hữu

STT	Nội dung công việc	Thời gian
1	Nhận được giấy phép chào bán chứng khoán ra công chúng từ UBCKNN	D
2	Thông báo chốt danh sách cổ đông gửi tới Trung tâm Lưu ký (TTLK) và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội để triển khai	D+2
3	Công bố thông tin về đợt chào bán trên báo điện tử hoặc báo viết trong 03 số liên tiếp	D+2 đến D+7
4	Ngày giao dịch không hưởng quyền	D+11

5	Ngày đăng ký cuối cùng	D+12
6	Phối hợp cùng TTLK phân bổ và thông báo danh sách phân bổ quyền mua cổ phiếu đến các thành viên lưu ký và các cổ đông chưa lưu ký chứng khoán	D+16 đến D+22
7	Các cổ đông hiện hữu tiến hành đăng ký, chuyển nhượng quyền và nộp tiền mua cổ phần	D+23 đến D+43
8	TTLK tổng hợp việc thực hiện quyền của cổ đông hiện hữu gửi danh sách cổ đông thực hiện quyền mua và chuyển tiền vào tài khoản phong tỏa.	D+50
9	TCPH xử lý cổ phiếu không phân phối hết	D+51 đến D+61
10	Báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về kết quả đợt phát hành.	D+62
11	Nộp hồ sơ đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung.	D+64
12	Trao trả giấy chứng nhận sở hữu cổ phiếu cho các cổ đông chưa lưu ký.	D+64

8. Đăng ký mua cổ phiếu

Công ty sẽ thông báo thời gian đăng ký cụ thể trong Bản thông báo phát hành và đảm bảo thời gian đăng ký và nộp tiền mua chứng khoán cho nhà đầu tư tối thiểu là 20 ngày *(hai mươi ngày)* theo đúng quy định. Sau thời hạn quy định, các quyền mua chưa đăng ký thực hiện đương nhiên hết hiệu lực.

Danh sách cổ đông tại thời điểm chốt danh sách là cơ sở đăng ký thực hiện quyền mua cổ phiếu mới chào bán theo tỷ lệ được mua đã quy định.

- Đối với cổ đông đã lưu ký cổ phiếu tại các thành viên lưu ký: Các cổ đông mở tài khoản và lưu ký cổ phiếu ở thành viên lưu ký nào sẽ đăng ký thực hiện quyền và nộp tiền mua cổ phiếu mới phát hành tại thành viên lưu ký đó.
- Đối với cổ đông chưa thực hiện lưu ký: thì việc đăng ký mua, chuyển nhượng quyền mua tại Trụ sở Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội, và nộp tiền mua cổ phiếu mới phát hành vào tài khoản phong tỏa của Công ty:
  - Tên Tài khoản: Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội
  - Số tài khoản: 0020000119274
  - Mở tại: Ngân hàng TMCP Ngoại thương chi nhánh Hà Nội

❖ Xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phiếu còn dư của đợt chào bán (nếu có):

+ Toàn bộ số lượng cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn xuống hàng đơn vị và số lượng cổ phiếu không đặt mua hết (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định bán cho các đối tượng khác (kể cả các cổ đông của công ty có nhu cầu tăng sở hữu cổ phần) với các điều kiện như sau:

✓ Giá chào bán không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu.

✓ Không được chào bán cho một tổ chức, cá nhân hoặc một nhóm tổ chức, cá nhân và người có liên quan dẫn đến tỷ lệ sở hữu của các đối tượng này vượt mức sở hữu

theo quy định về chào mua công khai được quy định tại Khoản 11 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán.

- ✓ Không được chào bán cho một tổ chức, cá nhân hoặc một nhóm tổ chức, cá nhân và người có liên quan từ 10% (mười phần trăm) trở lên vốn điều lệ của Công ty.
- ✓ Không được chào bán cho các đối tượng là công ty con của Công ty cổ phần Nhựa Hà Nội.

Trong trường hợp tiếp tục phân phối cho các đối tượng khác nhưng vẫn không phân phối hết thì Công ty thực hiện tăng vốn theo số lượng vốn góp thực tế của các cổ đông và các nhà đầu tư. Số vốn còn thiếu sẽ được huy động từ các nguồn vốn khác.

9. Phương thức thực hiện quyền

Đây là trường hợp Công ty thực hiện phát hành thêm cổ phiếu phổ thông để chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ cổ phần hiện có của cổ đông tại Công ty.

Cổ đông sau khi nhận được thông báo về việc sở hữu quyền mua cổ phiếu, thực hiện quyền mua (chuyển nhượng quyền mua và đăng ký mua cổ phiếu), quyền nhận theo hướng dẫn tại mục V.6, V.7 và V.8 của Bản cáo bạch này.

10. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty không giới hạn tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của Công ty đối với người nước ngoài. Tuy nhiên, theo quy định tại Nghị định 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán quy định: trường hợp công ty đại chúng hoạt động đa ngành, nghề có quy định khác nhau về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài không vượt quá mức thấp nhất trong các ngành, nghề (mà công ty đó hoạt động) có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài. Theo các ngành nghề kinh doanh của Công ty thì mức thấp nhất này là 49%. Do vậy, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty là 49% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Hiện tại, theo danh sách cổ đông chốt gần nhất tại ngày 24/5/2018, tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty cổ phần Nhựa Hà Nội là 1.100 cổ phiếu chiếm tỷ lệ 0,02% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty. Trong đợt phát hành này, Công ty không phát hành cho nhà đầu tư chiến lược nước ngoài nên tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài sẽ không vượt quá 49%.

11. Các hạn chế có liên quan đến chuyển nhượng

- Số lượng cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu không bị hạn chế chuyển nhượng.
- Số lượng cổ phiếu bán cho các cổ đông hiện hữu và người nhận chuyển nhượng quyền mua từ các cổ đông hiện hữu không bị hạn chế chuyển nhượng.
- Số lượng cổ phiếu lẻ phát sinh khi làm tròn và số lượng cổ phiếu không đặt mua hết bán cho các đối tượng khác (kể cả các cổ đông của công ty có nhu cầu tăng sở hữu cổ phần) bị

hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán. Điều kiện về hạn chế chuyển nhượng này không áp dụng đối với cổ phiếu được bảo lãnh phát hành.

12. Các loại thuế có liên quan

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất thuế giá trị gia tăng là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định của pháp luật hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

13. Ngân hàng mở tài khoản phong toả nhận tiền mua cổ phiếu

- Tên Tài khoản: Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội
- Số tài khoản: 0020000119274
- Mở tại: Ngân hàng TMCP Ngoại thương chi nhánh Hà Nội

VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

1. Mục đích chào bán:

- Nâng cao quy mô vốn điều lệ của Công ty để đảm bảo về năng lực tài chính, nâng cao năng lực cạnh tranh, thuận lợi cho công tác đấu thầu, tìm kiếm khách hàng mới, mở rộng thị phần;
- Thực hiện tốt kế hoạch kinh doanh năm 2018 và các năm tiếp theo;
- Bổ sung vốn lưu động, duy trì cơ cấu tài chính an toàn và tăng cường khả năng tự chủ về tài chính của Công ty;
- Đầu tư bổ sung thiết bị mới, nâng cao năng lực thiết bị hiện có phục vụ tốt hơn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Đảm bảo lợi ích cho các cổ đông của Công ty.

VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

1. Tổng nguồn vốn dự kiến thu được từ đợt phát hành và chào bán cổ phiếu

Bảng 26: Chi tiết nguồn vốn dự kiến thu được từ đợt phát hành và chào bán cổ phiếu

TT	Đối tượng chào bán	Số cổ phiếu	Giá bán (đồng/cp)	Số tiền dự kiến thu được (đồng)	Nguồn thực hiện
1	Phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu	6.500.000		65.000.000.000	Lấy từ nguồn Quỹ đầu tư phát triển trên BCTC đã kiểm toán năm 2017
2	Cổ đông hiện hữu	3.800.000	30.000	114.000.000.000	Thu từ cổ đông hiện hữu
	Tổng cộng	**10.300.000**		**179.000.000.000**	

Như vậy, số tiền Công ty dự kiến thu được từ đợt chào bán là 114.000.000.000 đồng. Đây là số tiền thu được từ việc chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. Còn số tiền 65.000.000.000 đồng để phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu được lấy từ nguồn Quỹ đầu tư phát triển trên BCTC năm 2017 đã kiểm toán của Công ty.

2. Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán

Số tiền thu được từ đợt chào bán là 114.000.000.000 đồng sẽ được sử dụng vào các mục đích sau:

Bảng 27: Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán

STT	Mục đích sử dụng vốn	STT	Số tiền (đồng)	Tiến độ sử dụng vốn
1	Bổ sung đầu tư tài sản thiết bị mới, cải tạo, nâng cao năng lực thiết bị hiện có		80.000.000.000	Theo thực tế

STT	Mục đích sử dụng vốn	STT	Số tiền (đồng)	Tiến độ sử dụng vốn
	Trong đó:			
	Máy ép phun nhựa 220 tấn	*01*	*3.200.000.000*	*Quý IV/2018*
	Máy ép phun nhựa 450 tấn	*02*	*9.600.000.000*	*Quý IV/2018*
	Máy ép phun nhựa 550 tấn	*02*	*12.400.000.000*	*Quý IV/2018*
	Máy ép phun nhựa 650 tấn	*01*	*8.200.000.000*	*Quý IV/2018*
	Máy ép phun nhựa 1300 tấn	*01*	*16.300.000.000*	*Quý IV/2018*
	Tay gắp sản phẩm (robot)	*12*	*3.815.000.000*	*Quý IV/2018*
	Tay gắp sản phẩm (robot)	*07*	*2.800.000.000*	*Quý IV/2018*
	Thiết bị sấy nguyên liệu	*07*	*1.200.000.000*	*Quý IV/2018*
	Máy làm lạnh nước	*04*	*2.400.000.000*	*Quý IV/2018*
	TTGC đứng (gia công Graphite)	*01*	*4.000.000.000*	*Quý IV/2018*
	TTGC đứng	*01*	*5.500.000.000*	*Quý IV/2018*
	Máy đo 3 chiều (CMM)	*01*	*3.700.000.000*	*Quý IV/2018*
	Phần mềm CAD/CAM	*-*	*3.700.000.000*	*Quý IV/2018*
	Phần mềm AutoCAD	*13*	*287.000.000*	*Quý IV/2018*
	Xe nâng	*01*	*570.000.000*	*Quý IV/2018*
	Phần mềm quản trị điều độ, mua hàng, bán hàng, kho và kế toán tài chính	*01*	*726.000.000*	*Quý IV/2018*
	Phần mềm quản trị nhân sự, tiền lương	*01*	*275.000.000*	*Quý IV/2018*
	Dự phòng phát sinh (1,7%)		*1.327.000.000*	*Quý IV/2018*
2	Bổ sung vốn lưu động: Mua nguyên vật liệu phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty: nhựa PP300L, PP4540, PP BJ, PP AP03B, PP HG52, ABS 10JK2A, ABS AP, ABS PA, PC/ABS, PA66, PP 20GF, PP 30GF, PA6 20-50GF, PA66, 30GF, PC, AS, TPO, TPE, PPS,		34.000.000.000	Ngay sau đợt chào bán

STT	Mục đích sử dụng vốn	STT	Số tiền (đồng)	Tiến độ sử dụng vốn
	hạt màu, nguyên liệu thép, ...			
	Tổng cộng		**114.000.000.000**	

3. Phương án xử lý trong trường hợp đợt chào bán không thu đủ số tiền như dự kiến:

Tỷ lệ chào bán thành công dự kiến là 100%. Trường hợp đợt chào bán không thu đủ số tiền như dự kiến, phần vốn còn thiếu, Công ty dự kiến sẽ huy động từ các nguồn vốn khác để thực hiện các nội dung trong kế hoạch sử dụng vốn.

VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN

1. Tổ chức kiểm toán

CÔNG TY TNHH HÃNG KIỂM TOÁN AASC

Địa chỉ: Số 01 Lê Phụng Hiểu, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Điện thoại: (84.24) 3824 1990 Fax: (84.24) 3825 3973

Website: www.aasc.com.vn

2. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN IB

Trụ sở chính: Tầng 8, 52 Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Số điện thoại: (84-24) 4456 8888 Fax: (84-24) 3978 5380

Website: https://ibsc.vn

Ý kiến của Tổ chức Tư vấn về đợt chào bán:

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 42/2018/NG-ĐHĐCĐ năm 2018 ngày 23/04/2018, Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội tiến hành đăng ký phát hành thêm 10.300.000 cổ phiếu nhằm:

- Nâng cao quy mô vốn điều lệ của Công ty để đảm bảo về năng lực tài chính, nâng cao năng lực cạnh tranh, thuận lợi cho công tác đấu thầu, tìm kiếm khách hàng mới, mở rộng thị phần;
- Thực hiện tốt kế hoạch kinh doanh năm 2018 và các năm tiếp theo;
- Bổ sung vốn lưu động, duy trì cơ cấu tài chính an toàn và tăng cường khả năng tự chủ về tài chính của Công ty;
- Đầu tư bổ sung thiết bị mới, nâng cao năng lực thiết bị hiện có phục vụ tốt hơn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Đảm bảo lợi ích cho các cổ đông của Công ty.

Công ty dự kiến phát hành thêm 6.500.000 cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1:1, chào bán cho cổ đông hiện hữu 3.800.000 cổ phiếu theo tỷ lệ 65:38 với mức giá chào bán là 30.000 đồng/cổ phiếu. Giá giao dịch cổ phiếu của Công ty trên thị trường vào thời điểm xây dựng hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu (ngày 31/08/2018) là 73.800 đồng/cổ phiếu. Với triển vọng thị trường chứng khoán đang có những dấu hiệu phục hồi sau những biến động vừa qua, cùng với kết quả kinh doanh năm 2017 và kế hoạch kinh doanh năm 2018 khả quan của Công ty, Tổ chức tư vấn cho rằng Công ty có khả năng thành công trong đợt chào bán.

IX. PHỤ LỤC

1. Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
2. Nghị quyết của ĐHĐCĐ thông qua phương án chào bán và phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán.
3. Điều lệ công ty.
4. Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016, 2017 đã được kiểm toán.

Hà Nội, ngày 03 tháng 10 năm 2018

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC CHÀO BÁN
CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA HÀ NỘI
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Phạm Quốc Trung

TỔNG GIÁM ĐỐC

Bùi Thanh Nam

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

Dương Liễu Mai Khanh

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Đỗ Thị Hương Giang

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN IB
TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN THỊ TUYẾT